



NGUYỄN THỊ TOAN – TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG
NGUYỄN HÀ AN – NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH – NGUYỄN THỊ THỌ

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

LỚP 9

• (HỖ TRỢ GIÁO VIÊN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY
THEO SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9
BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GV	:	Giáo viên
HS	:	Học sinh
SGK	:	Sách giáo khoa
SGV	:	Sách giáo viên
SBT	:	Sách bài tập

MỤC LỤC

	Trang
Bài 1: SỐNG CÓ LÍ TƯỞNG	4
Bài 2: KHOAN DUNG	12
Bài 3: TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG	19
Bài 4: KHÁCH QUAN VÀ CÔNG BẰNG	30
Bài 5: BẢO VỆ HOÀ BÌNH	38
Bài 6: QUẢN LÝ THỜI GIAN HIỆU QUẢ	49
Bài 7: THÍCH ỨNG VỚI THAY ĐỔI	57
Bài 8: TIÊU DÙNG THÔNG MINH	65
Bài 9: VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÍ	72
Bài 10: QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ NGHĨA VỤ NỘP THUẾ	84
GỢI Ý NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9	93

SỐNG CÓ LÍ TƯỞNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.
- Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.
- Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

3. Phẩm chất

Yêu nước: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khoẻ, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GDCC 9.
- Tranh ảnh, truyện, thơ, danh ngôn, bài hát, clip, ... về chủ đề Sống có lí tưởng.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (5')

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập cho HS và giúp HS có hiểu biết ban đầu về việc sống có lí tưởng.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem clip bài hát “Tự nguyện” của nhạc sĩ Trương Quốc Khánh và trả lời câu hỏi: *Em hãy chỉ ra những ca từ thể hiện ước muốn của nhân vật trong lời bài hát và cho biết ý nghĩa của những ước muốn đó.*
- HS xem clip và trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm, ý nghĩa của việc sống có lí tưởng (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được thế nào là sống có lí tưởng, ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Khai thác thông tin 1 trong SGK (15')

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin 1 trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy nêu mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thông tin.

2/ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện mong muốn đó như thế nào?

3/ Ý nghĩa của mong muốn đó với dân tộc Việt Nam là gì?

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

1/ Mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

2/ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trải qua hành trình gian nan để thực hiện mong muốn đó: Năm 21 tuổi ra đi tìm đường cứu nước; làm nhiều nghề, trải qua hành trình 30 năm, qua gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố, gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều dân tộc, nhiều nền văn hoá, tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. (HS chia sẻ thêm những hiểu biết về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi này).

3/ Ý nghĩa: Từ mong muốn đó, Người đã tìm ra con đường cứu nước, tạo ra bước ngoặt vĩ đại cho cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc ta tới độc lập, tự do và phát triển lên con đường xã hội chủ nghĩa.

GV cho HS xem clip nghệ sĩ ngâm thơ “Người đi tìm hình của nước” (Chế Lan Viên) và chia sẻ thêm về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhiệm vụ 2: Khai thác thông tin 2 trong SGK (15')

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin 2 trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy chỉ ra mục đích sống của bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm và đồng đội.

2/ Chi tiết nào trong những dòng nhật kí thể hiện suy nghĩ và hành động để đạt được mục đích đó?

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi số 1, 2, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.

– GV lần lượt mời đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

1/ Mục đích sống của bác sĩ Đặng Thùy Trâm và đồng đội: Chiến đấu để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nhân dân.

2/ Chi tiết trong nhật kí thể hiện suy nghĩ và hành động để đạt được mục đích đó: “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, “bằng nghị lực, bằng niềm tin ở chính nghĩa, bằng lí tưởng cuộc đời mình mà đi tiếp những bước đường gai góc gian lao”, dũng cảm đối diện với thử thách khốc liệt của chiến tranh, “sống, chiến đấu và nghĩ rằng mình sẽ ngã xuống vì ngày mai của dân tộc”...

– GV/HS chia sẻ thêm thông tin về cuốn Nhật kí Đặng Thùy Trâm và cuộc đời bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thùy Trâm.

Nhiệm vụ 3: Nêu khái niệm sống có lí tưởng và ý nghĩa của sống có lí tưởng (10')

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 – 6 bằng kĩ thuật khăn trải bàn để trả lời câu hỏi 3 trong SGK: *Em hãy cho biết thế nào là sống có lí tưởng và ý nghĩa của sống có lí tưởng.*

– HS thảo luận, mỗi thành viên viết ý kiến của mình vào góc khăn trải bàn, thống nhất ý kiến viết vào giữa khăn trải bàn.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp và có kế hoạch, quyết tâm phấn đấu để đạt được mục đích nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.

+ Sống có lí tưởng giúp mỗi người có động lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu của bản thân, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Người sống có lí tưởng được xã hội công nhận, tôn trọng và tin tưởng.

– GV giao nhiệm vụ HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài tập số 2 (viết một đoạn văn thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng).

TIẾT 2

1. KHỞI ĐỘNG (5')

– GV cho HS xem clip bài hát “Một đời người một rừng cây” (sáng tác: Trần Long Ẩn).

– HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về bài hát.

– GV dẫn vào tiết học.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

Hoạt động 2: Tìm hiểu lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam ngày nay (15')

a) Mục tiêu: HS nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc hai thông tin mục 2 trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ *Hãy xác định nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam và những việc thanh niên cần phải làm để thực hiện nhiệm vụ đó.*

2/ *Theo em, HS cần làm gì để thực hiện nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam?*

– HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận nhóm và ghi vào nháp/phiếu học tập.

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

1/ Nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam: Phấn đấu vì lí tưởng của Đảng và Bác Hồ (xây dựng thành công nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh). Những việc cần làm: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2/ HS phải có mục đích sống đúng đắn, có kế hoạch học tập, rèn luyện bản thân, có ý chí vượt qua những gian nan, thử thách để đạt được mục đích đó.

*** Chốt kiến thức (8'):** GV chốt kiến thức trong SGK và trình bày tóm tắt theo sơ đồ/ HS vẽ sơ đồ tư duy và trình bày tóm tắt kiến thức đã khám phá theo sơ đồ.

1. Thế nào là sống có lí tưởng?

- Xác định được mục đích cao đẹp.
- Quyết tâm phấn đấu để đạt mục đích.

2. Ý nghĩa của sống có lí tưởng

- Có động lực phấn đấu.
- Góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.
- Được xã hội công nhận, tôn trọng và tin tưởng.

3. Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay

- Phấn đấu xây dựng nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

4. Nhiệm vụ của HS

- Xác định lí tưởng sống.
- Học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về sống có lí tưởng.
- Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trước những vấn đề liên quan đến nội dung bài học “Sống có lí tưởng”.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Bài tỏ ý kiến (10')

- GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 trong SGK.
- HS làm việc cá nhân, viết kết quả vào phiếu học tập/nháp.
- GV chiếu từng quan điểm lên, mời HS xung phong trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét, kết luận.

Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a		X	Không phải người sống có mục đích nào cũng đều là người sống có lí tưởng vì chỉ có mục đích sống cao đẹp mới được gọi là lí tưởng.
b	X		Mục đích sống cao đẹp mới được gọi là lí tưởng. Vậy suy nghĩ và hành động để thực hiện mục tiêu chung của dân tộc chính là sống có lí tưởng.
c		X	Không phải ai tích cực làm giàu đều là người sống có lí tưởng vì có những người làm giàu bất chính. Làm giàu chân chính, đóng góp cho gia đình, cộng đồng và đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu “dân giàu nước mạnh” mới là sống có lí tưởng.
d	X		Lí tưởng sống được hình thành từ yêu cầu của đời sống xã hội hiện thực. Ở mỗi thời đại khác nhau, yêu cầu của đời sống xã hội hiện thực khác nhau nên con người có lí tưởng sống khác nhau.
e		X	Người có nhiều ước mơ, hoài bão nhưng không kiên gan bền chí, nỗ lực phấn đấu để đạt ước mơ, hoài bão ấy thì không được gọi là người sống có lí tưởng.
g	X		Đối với HS, tích cực học tập để mai sau lập nghiệp, góp phần xây dựng quê hương, đất nước chính là sống có lí tưởng, bởi vì khi mục đích cá nhân hoà chung với mục đích của quốc gia, dân tộc thì đó chính là lí tưởng.

Nhiệm vụ 2: Thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng (7')

- GV mời một số HS thực hiện yêu cầu của bài tập số 2 (đã viết ở nhà): Thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng từ quan điểm “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống” (Lev Nikolayevich Tolstoy).

- Sản phẩm được đánh giá trên hai phương diện:
- + Nội dung thể hiện được các ý:
 - “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường”: Lí tưởng định hướng cho con người trong nhận thức và hành động.
 - “Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định”: Hạn chế của việc sống không có lí tưởng: giống như người đi trong đêm tối không có đèn, người sống không có lí tưởng sẽ thiếu phương hướng đúng đắn để thành công trong cuộc sống.
- + Hình thức: khả năng sử dụng ngôn ngữ và biểu cảm của người thuyết trình.
- GV nhận xét, kết luận, hướng dẫn nhiệm vụ về nhà:
- + Làm việc nhóm: Bài Luyện tập số 4: Sưu tầm câu chuyện/thông tin về một tấm gương thanh niên Việt Nam tiêu biểu trong hoạt động học tập/nghiên cứu khoa học/khởi nghiệp/thiện nguyện... Mỗi nhóm tìm hiểu về gương thanh niên trong một lĩnh vực, có tranh ảnh minh họa kèm theo.
- + Làm việc cá nhân: Bài Vận dụng số 1: Thiết kế thông điệp.
- + HS nộp sản phẩm trên phần mềm Padlet.

TIẾT 3

1. KHỞI ĐỘNG (3')

GV mời 1 – 2 HS nhắc lại tóm tắt kiến thức đã khám phá trong hai tiết học trước.

2. LUYỆN TẬP (tiếp theo)

Nhiệm vụ 3: Nhận xét hành vi (10')

- GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức ảnh (Bài tập số 3 trong SGK) và nhận xét về việc làm của thanh niên trong các bức ảnh đó, nêu ý nghĩa của những việc làm đó.
 - HS làm việc cá nhân: quan sát, mô tả việc làm của các thanh niên trong 4 bức ảnh.
- Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.
- + Tranh 1: Thanh niên khởi nghiệp, làm giàu cho bản thân, gia đình và quê hương, đất nước.
 - + Tranh 2: Người lính ở quần đảo Trường Sa, bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.
 - + Tranh 3: Thanh niên tham gia hoạt động tình nguyện, dọn rác, trồng cây, bảo vệ môi trường.
 - + Tranh 4: Thanh niên chế tạo rô bốt. Những sáng chế này áp dụng vào lĩnh vực sản xuất sẽ góp phần giảm nhẹ sức lao động, nâng cao năng suất lao động của con người.

- GV chiếu từng hình ảnh, mời 1 – 2 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, kết luận.

Nhiệm vụ 4: Nêu gương (10')

- GV mời các nhóm chia sẻ sản phẩm đã sưu tầm theo yêu cầu của bài tập số 4.
- Các HS khác lắng nghe, suy nghĩ, rút ra bài học cho bản thân và chia sẻ bài học đó trước lớp.
- GV nhận xét, đánh giá.

Nhiệm vụ 5: Xây dựng kế hoạch phát triển bản thân (10')

- GV hướng dẫn HS làm bài tập 5 trong SGK: *Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam, em hãy xác định nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống, từ đó xây dựng kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.*
- HS làm việc cá nhân, viết yêu cầu vào phiếu học tập, thể hiện hai ý cơ bản:
 - + Nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống.
 - + Kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.
- GV mời một số HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ, các HS khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, kết luận.

3. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS biết vận dụng những điều đã học để xác định lí tưởng sống cho bản thân và phấn đấu theo lí tưởng đó.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Thiết kế thông điệp (10')

- GV mời một số HS trình bày thông điệp đã thiết kế theo yêu cầu của bài Vận dụng số 1. Yêu cầu thông điệp:
 - + Nội dung ngắn gọn, thể hiện tầm quan trọng của việc sống có lí tưởng hoặc mục đích sống cao đẹp của bản thân.
 - + Hình thức đẹp.
- Qua kĩ thuật phòng tranh ảo, GV và HS cả lớp xem “triển lãm” các thông điệp, nhận xét, đánh giá.

Nhiệm vụ 2: Thực hiện kế hoạch (2')

- GV hướng dẫn HS làm bài tập Vận dụng số 2: Từ kế hoạch đã được xác định trong bài Luyện tập số 5, HS ghi chép lại những kết quả mà mình đã đạt được, những điều chưa đạt được theo kế hoạch và phương hướng phấn đấu của bản thân.
- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.
- GV lựa chọn một số HS tiêu biểu trong lĩnh vực học tập/hoạt động tình nguyện chia sẻ trong diễn đàn “Lí tưởng sống của thanh niên, HS Việt Nam ngày nay” do nhà trường tổ chức.
- GV chấm 5 – 10 sản phẩm thực hiện các bài luyện tập, vận dụng, lấy điểm kiểm tra thường xuyên cho HS.

KHOAN DUNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.
- Nhận biết được giá trị của khoan dung.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi:

- Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

3. Phẩm chất

Nhân ái: Có lòng khoan dung, độ lượng, vị tha trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GDCC 9.
- Clip “Hãy trồng một bông hoa khoan dung trong trái tim thù hận”; ca dao, tục ngữ, thành ngữ, danh ngôn về khoan dung,...
- Phiếu học tập, máy tính, máy chiếu, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (5')

a) Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, kết nối vào bài mới qua những tìm hiểu và chia sẻ trải nghiệm bước đầu về khoan dung.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc lời chia sẻ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ở trang 10 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em hiểu như thế nào về lời chia sẻ đó?*
- HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân, đọc, suy nghĩ về lời chia sẻ.
- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV căn cứ vào câu trả lời của HS để nhận xét, kết luận và giới thiệu khái quát về bài học mới.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của khoan dung

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm, các biểu hiện cơ bản và ý nghĩa của khoan dung.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thông tin 1 (7')

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin 1 trong SGK để trả lời câu hỏi a:

1/ Em hãy nêu những việc làm của Bình Định vương Lê Lợi đối với quân Minh.

2/ Những việc làm đó thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam?

3/ Nêu ý nghĩa của những việc làm đó.

– HS làm việc cá nhân để trả lời ý 1, 2, thảo luận nhóm đôi để trả lời ý 3, ghi những ý cơ bản vào nháp. GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV lần lượt mời một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HS, định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

1/ Bình Định vương Lê Lợi đã tha mạng sống cho quân Minh, còn cấp thêm thuyền, ngựa, lương thảo cho họ về nước.

2/ Những việc làm đó thể hiện truyền thống khoan dung của dân tộc Việt Nam.

3/ Ý nghĩa: “đập tắt mối chiến tranh cho đời sau, sử xanh ghi chép tiếng thơm muôn đời”, khiến kẻ thù “vừa xúc động vừa hổ thẹn đến rơi nước mắt”.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu thông tin 2 (7')

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin 2 trong SGK, thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu b ở trang 11 trong SGK: *Em hãy tìm những chi tiết thể hiện lòng khoan dung của Bác Hồ trong thông tin 2 và nêu ý nghĩa của lòng khoan dung đó.*

– HS làm việc cá nhân: đọc thông tin, thảo luận nhóm đôi, ghi vào giấy.

– GV mời 1 – 2 HS đại diện nhóm trình bày sản phẩm thực hiện nhiệm vụ, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

Tinh thần khoan dung của Bác Hồ: 1/ Đối với đồng bào: có tình yêu thương sâu sắc đối với con người, rộng lượng đối với những khác biệt, tôn trọng, không áp đặt ý kiến của mình lên người khác; có niềm tin vào phần tốt đẹp, phần thiện trong mỗi con người, dù nhất thời họ có lầm lạc; lấy tình thân ái để cảm hoá đồng bào lạc lối lầm đường; 2/ Đối với tù binh chiến tranh: khoan hồng, rộng lượng.

Lưu ý: GV kể thêm một số thông tin về lòng khoan dung của Bác Hồ.

Nhiệm vụ 3: Nêu khái niệm, ý nghĩa của lòng khoan dung (10')

– GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, hướng dẫn HS làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu c trong SGK:

1/ Theo em, thế nào là lòng khoan dung?

2/ Hãy nêu những biểu hiện và ý nghĩa của lòng khoan dung trong cuộc sống.

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để trả lời câu hỏi, ghi vào ô của cá nhân trên khăn trải bàn, sau đó thống nhất ý kiến, ghi vào khoảng giữa khăn trải bàn.

– GV quan sát, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, chốt câu trả lời:

1/ Khoan dung là rộng lòng tha thứ.

2/ Biểu hiện của khoan dung là: tha thứ cho chính mình và người khác khi đã biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến. Người có lòng khoan dung sẽ được mọi người yêu mến, tin cậy. Người được tha thứ sẽ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành người tốt. Nhờ có lòng khoan dung, mối quan hệ giữa người với người sẽ tốt đẹp hơn.

Hoạt động 2: Tìm hiểu những việc cần làm để thể hiện lòng khoan dung trong cuộc sống (7')

a) Mục tiêu: HS trình bày được những việc cần làm để thể hiện lòng khoan dung trong cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV sử dụng phương pháp trực quan, chiếu tranh lên bảng hoặc hướng dẫn HS quan sát tranh, đọc lời thoại ở mục 2 và đọc trường hợp ở trang 12 trong SGK, trả lời câu hỏi:

1/ Dựa vào biểu hiện của lòng khoan dung, em có nhận xét gì về lời nói, việc làm của các chủ thể trong những hình ảnh và trường hợp trên?

2/ Em có lời khuyên gì đối với những chủ thể thiếu khoan dung trong những hình ảnh và trường hợp trên?

3/ Theo em, để có lòng khoan dung, chúng ta cần làm gì?

– HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ 1, thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ 2, thảo luận nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ 3, ghi kết quả thực hiện nhiệm vụ vào giấy. GV quan sát, hỗ trợ HS khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV lần lượt mời cá nhân/đại diện nhóm đôi/đại diện nhóm 4 trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ *Câu 1, 2:*

• Tranh 1: Bạn nữ bên trái dần vật vì lỗi do mình gây ra cho em trai. Bạn nên *tha thứ cho chính mình* như lời khuyên của bạn nữ bên phải.

• Tranh 2: Bạn nữ bên trái còn bần khoăn không biết có nên tha thứ cho bạn không. Lời khuyên: Bạn đã xin lỗi rồi, *nên thứ lỗi cho bạn* để lòng thanh thản và giữ được mối quan hệ với bạn bè.

• Trường hợp: T đã thể hiện tinh thần khoan dung, *không cố chấp, định kiến* với người mắc lỗi lầm, tạo sức lan toả tinh thần khoan dung tới bạn bè và người khác.

+ *Câu 3:* Chúng ta cần tha thứ cho chính mình và người khác khi đã biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.

* **Chốt kiến thức (7’):** GV chiếu sơ đồ Chốt kiến thức (căn cứ vào chốt kiến thức trong SGK); HS trình bày tóm tắt nội dung kiến thức đã khám phá dựa trên sơ đồ tư duy đó (hoặc GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy trên cơ sở chốt kiến thức trong SGK và trình bày tóm tắt theo sơ đồ đó).

1. Khái niệm và biểu hiện của khoan dung	2. Ý nghĩa của khoan dung	3. Những việc cần làm thể hiện lòng khoan dung
Khoan dung là rộng lòng tha thứ. – Tha thứ cho chính mình và người khác. – Lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt. Không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.	– Được mọi người yêu mến, tin cậy. – Tạo cơ hội cho người mắc lỗi sửa chữa lỗi lầm. – Xây dựng mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	– Chân thành, rộng lượng. – Tôn trọng và chấp nhận sở thích, thói quen của người khác. – Phê phán sự ích kỉ, hẹp hòi, thiếu khoan dung, độ lượng.

GV nhận xét tiết học, giao nhiệm vụ về nhà cho HS (2’):

– Làm việc cá nhân:

+ Sưu tầm tục ngữ, ca dao, thành ngữ, danh ngôn về lòng khoan dung (Bài tập số 1).

+ Viết đoạn văn ngắn về tác hại của sự thiếu khoan dung (Bài tập số 3).

– Làm việc nhóm: Xây dựng kịch bản xử lí tình huống (Bài tập số 4).

HS nộp bài trên phần mềm dạy học.

TIẾT 2

1. KHỞI ĐỘNG (3')

GV cho HS xem clip “Hãy trồng một bông hoa khoan dung trong trái tim thù hận”, tạo hứng thú học tập, kết nối vào tiết học mới.

2. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.
- Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học về lòng khoan dung.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Sưu tầm tục ngữ, ca dao, thành ngữ, danh ngôn (10')

- GV tổ chức trò chơi “Đối mặt” cho HS thực hiện bài tập số 1 ở trang 12 trong SGK: *Nêu những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, danh ngôn về lòng khoan dung.*
- Nhóm 5 – 6 HS chơi, đứng thành đội hình vòng tròn. Ai trả lời sai/trùng với đáp án của người trả lời trước/sau 10 giây không trả lời được sẽ bị loại. Người còn lại cuối cùng sẽ thắng.
- GV tiếp tục hỏi về ý nghĩa của một câu bất kì mà HS vừa nêu, mời 1 – 2 HS trả lời.
- GV nhận xét, kết luận.

Nhiệm vụ 2: Bài tỏ ý kiến (10')

- GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2 trong SGK.
- HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời vào vở hoặc phiếu học tập, trao đổi, so sánh kết quả theo cặp.
- GV mời một số HS chia sẻ kết quả trước lớp. HS khác nhận xét, trao đổi, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, chốt đáp án:

Ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a		X	Với những lỗi nhỏ thì có thể nhắc nhở rồi bỏ qua nhưng với lỗi lầm lớn thì chỉ bỏ qua khi người mắc lỗi nhận ra và có ý thức sửa chữa lỗi lầm của họ.
b	X		Tha thứ cho mình là một biểu hiện của khoan dung.
c		X	Có những lỗi lầm nhỏ không nhất thiết phải quyết liệt phê phán mà chỉ cần nhắc nhở nhẹ nhàng.
d		X	Có những sở thích, thói quen gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, vì vậy không thể bắt mọi người chấp nhận mọi sở thích, thói quen của người khác.

Nhiệm vụ 3: Viết đoạn văn về tác hại của sự thiếu khoan dung (7')

– GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập số 3 trong SGK: *Viết một đoạn văn bình luận về tác hại của sự thiếu khoan dung từ quan điểm “Không khoan dung cũng là một hình thức bạo lực và là trở ngại cho sự phát triển của một tinh thần dân chủ thực sự” (Mahatma Gandhi).* Bài tập đã được giao về nhà từ tiết học trước.

– HS chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ lên phần mềm dạy học. Sản phẩm làm rõ được hai ý:

+ “Không khoan dung cũng là một hình thức bạo lực” (bạo lực tinh thần với người không nhận được khoan dung và với chính người cố chấp, không tha thứ cho lỗi lầm của người khác).

+ Không khoan dung gây “trở ngại cho sự phát triển của một tinh thần dân chủ thực sự” (người mắc lỗi luôn mặc cảm, tự ti, không dám thể hiện bản thân vì lúc nào cũng sợ bị sai lầm, chê trách).

Từ đó, HS liên hệ đến tác hại của sự thiếu khoan dung trong cuộc sống hằng ngày.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và kết luận.

Nhiệm vụ 4: Xử lý tình huống (10')

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập số 4 trong SGK.

– HS lựa chọn các hình thức khác nhau để thực hiện nhiệm vụ này: 1/Xây dựng kịch bản, sắm vai xử lý tình huống/Xây dựng kịch bản, sắm vai thể hiện tình huống và hỏi ý kiến cả lớp về các cách xử lý, sau đó đưa ra cách xử lý của nhóm mình/Làm theo cách 2 nhưng quay clip (nếu GV cho bài tập này từ tuần trước); 2/Thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào phiếu học tập/nháp...

– GV mời một số nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, gợi ý cách xử lý tình huống:

+ Tình huống a: Khuyến bạn nên viết nhật kí, nói ra lỗi lầm và sự ân hận của mình, hứa sẽ sửa chữa (như đang nói với ông khi ông còn sống). Dần dần bạn sẽ cảm thấy nhẹ lòng hơn và tự tha thứ cho mình.

+ Tình huống b: Khuyến P nên gặp Q, lắng nghe Q nói và cũng nói để Q hiểu cảm xúc của mình, sau đó hãy thứ lỗi cho Q.

+ Tình huống c: T nên khuyến K lựa chọn bạn để chơi. Nếu K vẫn chơi với nhóm bạn đó thì nói với K đừng làm như một số người trong nhóm vì việc “bình luận khiếm nhã về trang phục, hình dáng và đời tư của người khác” là thiếu khoan dung, thậm chí vi phạm đạo đức, pháp luật. Nếu có thể, K nên khéo léo khuyên họ không nên làm thế qua việc chỉ ra tác hại của những việc làm này.

Nhiệm vụ 5: Liên hệ thực tế (1')

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện bài tập số 5 trong SGK.

3. VẬN DỤNG (4')

a) Mục tiêu:

- HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn.
- Vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến lòng khoan dung trong cuộc sống hằng ngày.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 1 và 2 trong SGK:
- + Thiết kế một sản phẩm (bức tranh, thông điệp, tiểu phẩm, đoạn thơ,...) về vai trò của lòng khoan dung trong cuộc sống và chia sẻ ý nghĩa của sản phẩm đó.
- + Viết một bức thư gửi tới người mà em cảm thấy ân hận khi đã từng ứng xử thiếu khoan dung với họ.

Lưu ý: Với bài Luyện tập số 2, 3, 4, 5 và bài Vận dụng số 1, 2 GV giao nhiệm vụ cho HS từ tuần trước và nộp bài trên phần mềm dạy học. Giờ học sau, GV mời một số HS trình bày sản phẩm dưới hình thức thuyết trình trước lớp/kĩ thuật phòng tranh/trả lời phỏng vấn của MC... GV chấm điểm 5 – 10 sản phẩm và lấy làm điểm kiểm tra thường xuyên cho HS.

TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.
- Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.
- Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

3. Phẩm chất

Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GDCD 9.
- Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống... có nội dung liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (5')

a) *Mục tiêu:* Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các bức tranh và cho biết ý nghĩa của những hoạt động trong tranh.
- HS làm việc cá nhân, quan sát tranh và viết câu trả lời ra giấy nháp.
- GV mời đại diện một vài HS trả lời câu hỏi và mời một số HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận:

+ Bức tranh 1: Tình nguyện mùa đông là hoạt động tình nguyện được diễn ra từ tháng 10 cho đến tháng 2 năm sau. Chương trình do Trung ương Đoàn, Trung ương Hội

Liên hiệp Thanh niên Việt Nam phối hợp với Tỉnh đoàn trực thuộc để thực hiện. Các hoạt động tình nguyện mùa đông chính là các hoạt động tương thân tương ái, giúp đỡ người dân, thanh thiếu nhi, những mảnh đời kém may mắn, và những hộ gia đình đang còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống,... vươn lên để có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

+ Bức tranh 2: HS tích cực tham gia hoạt động thu gom rác thải trên bờ biển nhằm làm sạch môi trường biển.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu hoạt động cộng đồng và sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng (20')

a) *Mục tiêu:* HS nêu được khái niệm hoạt động cộng đồng và ý nghĩa của việc phải tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các hoạt động cộng đồng (5')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên những hoạt động cộng đồng trong thông tin.*

– HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

Các hoạt động cộng đồng trong thông tin trên gồm có:

+ Hoạt động tình nguyện xây dựng nông thôn mới gồm: xây dựng kết cấu hạ tầng, đời sống văn hoá, bài trừ các hủ tục lạc hậu ở nông thôn; tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, xây dựng các sân chơi cho thiếu nhi, sửa chữa và làm đẹp các công trình, di tích lịch sử, văn hoá của địa phương; tham gia phát triển kinh tế ở nông thôn.

+ Hoạt động tình nguyện đảm bảo an sinh xã hội gồm: tham gia phát triển cộng đồng, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn, thanh niên yếu thế, dễ bị tổn thương thông qua các chương trình: Nhà nhân ái; Trường đẹp cho em; Nhà bán trú cho em; Hành trình nhân ái vì sức khoẻ cộng đồng; Mang âm nhạc đến bệnh viện; Cùng sống khoẻ; Tiếp sức người bệnh; Ngày Chủ nhật đỏ;...

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mục đích, đối tượng tham gia và ý nghĩa của hoạt động cộng đồng (10')

– GV giao nhiệm vụ cho HS hoạt động nhóm, tiếp tục đọc và khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu mục đích, đối tượng tham gia và ý nghĩa của những hoạt động đó.*

- HS làm việc theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, đưa ra đáp án đúng: Mục đích, đối tượng tham gia và ý nghĩa của những hoạt động cộng đồng được đề cập trong thông tin:

Hoạt động cộng đồng	Mục đích	Đối tượng tham gia	Ý nghĩa
Hoạt động tình nguyện xây dựng nông thôn mới	Nhằm tạo khí thế thi đua sôi nổi, góp phần cải thiện đời sống, thay đổi diện mạo nông thôn và đạt các mục tiêu Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đã đề ra.	Đoàn viên, thanh niên và người dân ở các địa phương trên cả nước.	– Có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, góp phần đưa đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc. – Góp phần thực hiện thành công công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, đem lại cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc. – Góp phần bảo vệ môi trường, làm giàu sinh thái, tái tạo và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên. – Góp phần phát triển quan hệ cộng đồng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.
Hoạt động tình nguyện đảm bảo an sinh xã hội	Nhằm thực hiện hoạt động trợ giúp xã hội cho các đối tượng đặc biệt khó khăn, các đối tượng yếu thế trong xã hội.	Đoàn viên, thanh niên trong cả nước và cá nhân, tổ chức có tấm lòng nhân ái.	– Giúp cho những người có hoàn cảnh khó khăn về vật chất, gặp biến cố, rủi ro trong cuộc sống vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống. Khi được mọi người và cộng đồng giúp đỡ, họ ấm lòng hơn, có thêm niềm tin vào cuộc sống. Đồng thời, hoạt động đảm bảo an sinh xã hội cũng góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. – Thể hiện truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng, xã hội được Nhà nước cùng người dân Việt Nam phát huy mạnh mẽ qua các thời kì. Đồng thời giáo dục thế hệ trẻ luôn sống và cống hiến cho cộng đồng xã hội. Tạo nên thói quen tốt, rèn luyện cho bản thân mỗi cá nhân có lối sống tích cực hơn.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu khái niệm và ý nghĩa của hoạt động cộng đồng (5')

- GV giao nhiệm vụ cho HS hoạt động nhóm, tiếp tục đọc và khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Theo em, thế nào là hoạt động cộng đồng? Em hãy nêu ý nghĩa của hoạt động cộng đồng.*
- HS làm việc theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):
- + Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể nhằm mang lại lợi ích chung cho cộng đồng.
- + Ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động cộng đồng:
 - Đối với cá nhân: giúp mở rộng tầm hiểu biết, rèn luyện kỹ năng; có tinh thần trách nhiệm đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào công việc chung của tập thể, xã hội; nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến;...
 - Đối với cộng đồng: phát huy sức mạnh của các lực lượng xã hội; tạo ra sự kết nối các thành viên trong cộng đồng; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, lan toả những giá trị tích cực; góp phần xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh.

Hoạt động 2: Tham gia các hoạt động cộng đồng (15')

a) Mục tiêu: HS nêu được trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức và HS khi tham gia các hoạt động cộng đồng.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu các hoạt động cộng đồng được tổ chức ở trường, lớp và địa phương (5')

- GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời câu hỏi: *Hoạt động nào trong các hình ảnh trên đã được trường, lớp, địa phương em tổ chức?*
- HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.
- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

Các hoạt động cộng đồng được miêu tả trong 4 hình ảnh là:

- + Hình ảnh 1: HS quyên góp tiền, đồ dùng học tập ủng hộ cho các bạn HS miền Trung bị ảnh hưởng bởi lũ lụt;
- + Hình ảnh 2: Thanh niên tham gia hoạt động hiến máu tình nguyện;
- + Hình ảnh 3: HS tham gia hoạt động trồng cây, gây rừng (bảo vệ môi trường);
- + Hình ảnh 4: Thanh niên tình nguyện tham gia dạy chữ cho trẻ em vùng cao.

Tuỳ vào từng hoạt động cụ thể của mỗi trường mà các hoạt động trên được tổ chức vào các thời điểm, quy mô khác nhau.

GV có thể cho HS kể thêm về một số hoạt động cộng đồng thường được tổ chức ở trường, địa phương.

Nhiệm vụ 5: Nhận xét tinh thần, thái độ của các nhân vật trong những trường hợp ở SGK (5')

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu trường hợp và trả lời câu hỏi trong SGK: *Em có nhận xét gì về tinh thần, thái độ của các nhân vật khi tham gia hoạt động cộng đồng trong các trường hợp trên? Hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật chưa tích cực, tự giác khi tham gia hoạt động cộng đồng.*

– HS làm việc theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Trường hợp 1: Đồng tình với tinh thần, thái độ và việc làm của B vì: B là người sống có trách nhiệm với cộng đồng; có ý thức tích cực, tự giác tham gia hoạt động cộng đồng (là thành viên câu lạc bộ hát quan họ, tích cực tập luyện và biểu diễn phục vụ người dân mỗi khi có lễ hội, động viên nhiều bạn trong xóm cùng tham gia câu lạc bộ). Đây là một trong các hoạt động góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, đặc biệt là di sản văn hoá phi vật thể – dân ca quan họ. B là tấm gương để mọi người noi theo.

+ Trường hợp 2: Không đồng tình với tinh thần, thái độ và việc làm của hai bạn C và H vì cả hai bạn chưa tự giác, chưa tích cực khi tham gia hoạt động cộng đồng, mặc dù được trường, lớp phân công nhiệm vụ làm vệ sinh khu vực đài tưởng niệm, nhưng cả hai mãi nói chuyện không chú tâm vào công việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Lời khuyên: Hai bạn nên tích cực tham gia dọn dẹp, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ bởi đây là hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thể hiện tấm lòng, cũng như trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với người có công với cách mạng – những người đã hi sinh một phần xương máu để giành được độc lập, hoà bình cho Tổ quốc như ngày hôm nay. Tham gia hoạt động cộng đồng cũng giúp mỗi cá nhân nói chung và HS nói riêng được rèn luyện các kĩ năng, mở rộng sự hiểu biết, đóng góp sức mình vào hoạt động chung, được mọi người yêu mến,...

Nhiệm vụ 6: Tìm hiểu các hoạt động cộng đồng phù hợp với HS (5')

– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Nêu một số hoạt động cộng đồng mà em đã tham gia. Hãy chia sẻ những việc em đã làm khi tham gia các hoạt động đó và nêu những điều em thấy hài lòng, chưa hài lòng khi tham gia.*

– HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, đưa ra gợi ý về một số hoạt động cộng đồng:

+ Hoạt động thiện nguyện, nhân đạo: quyên góp ủng hộ HS vùng lũ lụt, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; quyên góp, giúp đỡ, chăm sóc những người yếu thế trong xã hội: trẻ em nghèo, trẻ em mồ côi, người già không nơi nương tựa; tết ấm yêu thương; trung thu cho trẻ em nghèo;...

+ Hoạt động đền ơn đáp nghĩa: thăm hỏi, tặng quà, chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng;...

+ Hoạt động bảo vệ môi trường, cảnh quan: trồng cây xanh, đổ rác đúng nơi quy định, vệ sinh trường lớp, đường làng, thôn xóm, đường phố, dọn dẹp rác thải ở bờ biển,...

+ Hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội: tham gia phát tờ rơi tuyên truyền phòng, chống thuốc lá, ma túy, tệ nạn mại dâm; phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống nạn cờ bạc,...

+ Hoạt động gìn giữ và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc: giữ gìn các di sản văn hoá; bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá; tuyên truyền ý nghĩa của di sản văn hoá,...

*** Chốt kiến thức (5’):** GV chốt kiến thức trong SGK và trình bày tóm tắt theo sơ đồ/ HS vẽ sơ đồ tư duy và trình bày tóm tắt kiến thức đã khám phá theo sơ đồ.

1. Khái niệm hoạt động cộng đồng	– Là những hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể. – Nhằm mang lại lợi ích chung cho cộng đồng.
2. Một số hoạt động cộng đồng tiêu biểu	– Hoạt động thiện nguyện, nhân đạo. – Hoạt động đền ơn đáp nghĩa. – Hoạt động bảo vệ môi trường, cảnh quan. – Hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội. – Hoạt động gìn giữ và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc. . .
3. Ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động cộng đồng	– Đối với cá nhân: giúp mở rộng tầm hiểu biết, rèn luyện kĩ năng; có tinh thần trách nhiệm đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào công việc chung của tập thể, xã hội; nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến; . . . – Đối với cộng đồng: phát huy sức mạnh của các lực lượng xã hội; tạo ra sự kết nối các thành viên trong cộng đồng; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, lan toả những giá trị tích cực; góp phần xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh.
4. Trách nhiệm của HS	– HS cần chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng do nhà trường, địa phương tổ chức. – Tích cực vận động người thân, bạn bè cùng tham gia. – Phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

– GV giao nhiệm vụ HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài tập số 1 trong SGK.

TIẾT 2

1. KHỞI ĐỘNG (5')

- GV cho HS xem video về một số hoạt động cộng đồng tại địa phương hoặc của trường học.
- HS nêu tên và ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng được thể hiện trong video trên.
- GV dẫn vào tiết học.

2. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.
- Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động cộng đồng.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Bày tỏ ý kiến (5')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1 trong SGK.
- HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.
- GV lần lượt mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra đáp án cho từng câu:

Ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích vì sao
a) Khi có nhiều cá nhân tham gia vào một hoạt động chung thì đó là hoạt động cộng đồng.		x	Bởi vì hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể nhằm mang lại lợi ích chung cho cộng đồng.
b) Tích cực tham gia hoạt động cộng đồng giúp mỗi cá nhân hoàn thiện bản thân và lan toả các giá trị tốt đẹp.	x		Đây là ý nghĩa của việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng. Đối với cá nhân: giúp mở rộng tầm hiểu biết, rèn luyện kỹ năng; có tinh thần trách nhiệm đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào công việc chung của tập thể, xã hội; nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến; Đối với cộng đồng: phát huy sức mạnh của các lực lượng xã hội; tạo ra sự kết nối các thành viên trong cộng đồng; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, lan toả những giá trị tích cực; góp phần xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh.

c) Chỉ những cá nhân có điều kiện kinh tế mới tham gia được hoạt động cộng đồng.		x	Khi tham gia hoạt động cộng đồng, mỗi người không chỉ đóng góp về vật chất, tiền của mà còn có thể đóng góp tình cảm, công sức: tham gia các hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi, trẻ tàn tật; chăm sóc người già, người cô đơn;...
d) HS không chỉ tích cực tham gia hoạt động cộng đồng mà còn cần động viên người thân, bạn bè cùng tham gia.	x		Đây là trách nhiệm của HS trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng do nhà trường, địa phương tổ chức; tích cực vận động người thân, bạn bè cùng tham gia để lan toả những giá trị tốt đẹp của hoạt động cộng đồng tới mọi người trong xã hội.

GV có thể tổ chức hoạt động này dưới dạng trò chơi trí tuệ, sử dụng các ý kiến trong bài tập là một trong số các phương án đúng (hoặc sai) để cho HS lựa chọn.

Nhiệm vụ 2: Nêu ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng trong những trường hợp cụ thể (5')

– GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: *Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.*

– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy A4, vở nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời một số HS trả lời câu hỏi và mời các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra đáp án cho từng câu:

a. Đây là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm cho người dân tiếp cận công lý; hỗ trợ người dân hiểu biết hơn về pháp luật và giúp đỡ họ trong việc giải quyết các vụ việc để tìm kiếm sự đền bù/khắc phục khi các quyền và lợi ích hợp pháp bị vi phạm. Đồng thời, thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý này còn góp phần đưa hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được sâu rộng trong nhân dân, tiến tới xây dựng một xã hội công bằng, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật.

b. Đây là hoạt động cộng đồng mang ý nghĩa tích cực trong việc chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số, người dân sinh sống và làm việc tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới đặc biệt khó khăn. Đồng thời đây là một trong các hoạt động nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội của Nhà nước ta, góp phần đảm bảo cho mọi người dân được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó có dịch vụ y tế.

c. Đây là hoạt động góp phần bảo đảm an ninh trật tự và phát triển đất nước thời kỳ hội nhập. Đảm bảo an ninh trật tự nói chung và phòng, chống tệ nạn xã hội nói riêng là góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển của đất nước.

d. Đây là hoạt động nhằm góp phần bảo vệ môi trường, khuyến khích mọi người phân loại rác thải điện tử đúng cách, nâng cao ý thức sống xanh trong cộng đồng, xây dựng lối sống thân thiện, an toàn. Với tốc độ phát triển của ngành công nghệ hiện nay, rác

điện tử đang gia tăng rất nhanh so với các loại rác thải khác. Pin được liệt kê vào danh mục rác thải độc hại, lượng thủy ngân có trong pin cũ có thể gây ô nhiễm nguồn nước hoặc đất trong thời gian dài. Do đó, pin và rác thải điện tử, nếu không được thu gom và xử lý đúng cách sẽ tác động không tốt đến môi trường và con người.

Nhiệm vụ 3: Đóng vai để đưa ra lời khuyên (5')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). GV có thể tổ chức cho các nhóm dựa trên nội dung trường hợp trong SGK, xây dựng kịch bản, đóng vai thể hiện vở kịch trên lớp.

– HS thực hiện nhiệm học tập theo nhóm (dưới sự phân công và hình thức tổ chức của GV), viết câu trả lời ra bảng nhóm, giấy A3 (hoặc thể hiện bằng lời thoại trong kịch bản).

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận (hoặc diễn kịch), đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung, phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra gợi ý:

+ Nhận xét về thái độ của em gái T: chưa tích cực tham gia hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ những người bệnh gặp khó khăn.

+ Lời khuyên dành cho em gái T: Nên tham gia cùng bố mẹ, anh trai và các cô chú/anh chị trong Hội Chữ thập đỏ vào mỗi ngày cuối tuần, hoặc khi rảnh để có thể chung tay chia sẻ với các bệnh nhân nghèo, giúp họ giữ vững tinh thần lạc quan, yên tâm chữa bệnh để sớm vượt qua biến cố về sức khỏe. Đồng thời, thông qua việc tham gia hoạt động này còn giúp em gái T cũng như các HS khác được rèn luyện các kĩ năng, mở rộng tầm hiểu biết; sống có tinh thần trách nhiệm đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào công việc chung của tập thể, xã hội; nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến;...

Nhiệm vụ 4: Xây dựng kế hoạch thực hiện một hoạt động cộng đồng (15')

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thảo luận bài tập 4 trong SGK: *Em hãy cùng nhóm bạn xây dựng kế hoạch thực hiện một hoạt động cộng đồng theo gợi ý.*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào giấy A3, vở nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện một số nhóm thuyết trình về kế hoạch và mời các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra gợi ý:

Ví dụ: Hoạt động thiện nguyện

KẾ HOẠCH

Tên hoạt động: MÙA ĐÔNG ẤM ÁP

1. Mục đích của hoạt động: Chia sẻ, giúp đỡ một số bạn HS trong lớp, trong trường có hoàn cảnh khó khăn có áo ấm tới trường.

2. Những việc cần làm:

– Nhiệm vụ 1: Lập danh sách các bạn HS có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trong trường.

– Nhiệm vụ 2: Phát động phong trào quyên góp ủng hộ quần áo ấm cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn và nhận ủng hộ hiện vật (quần áo) và tiền mặt.

3. Thời gian, địa điểm: Thời gian thực hiện là 10 ngày (kể từ ngày phát động phong trào). Địa điểm: các lớp học trong trường.

4. Cách thức thực hiện:

– Phối hợp với GV chủ nhiệm để liên hệ với Ban Giám hiệu nhà trường, Ban Chỉ huy Liên đội cùng phát động phong trào trong toàn trường.

– Gửi thông điệp, truyền thông tới toàn thể GV, cán bộ, nhân viên và HS trong trường: Mùa đông năm nay rất lạnh, nhiều bạn còn khó khăn, thiếu quần áo ấm để mặc. Vì vậy, những bộ quần áo ấm chính là tấm lòng, tình cảm sẻ chia gửi tặng đến các bạn, giúp các bạn vượt qua mùa đông giá rét, giữ gìn sức khỏe để học tập.

– Phân công cá nhân phụ trách tiếp nhận ủng hộ từ các lớp, các thầy cô giáo trong toàn trường.

– Tổ chức lễ trao quần áo ấm cho các bạn.

5. Người phối hợp thực hiện: Ban Giám hiệu nhà trường; Thầy cô giáo chủ nhiệm các lớp; Ban Chỉ huy Liên đội, Chi đội và Lớp trưởng các lớp.

3. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng đã được xây dựng trong hoạt động luyện tập và báo cáo kết quả thực hiện (5')

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 1 trong SGK theo nhóm và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở trường, ở nhà trong thời gian phát động hoạt động cộng đồng (khi lập kế hoạch hoạt động cộng đồng).

– HS thực hiện nhiệm vụ, ghi lại kết quả thông qua các hình ảnh, video tái hiện việc thực hiện kế hoạch hoặc báo cáo kết quả bằng số liệu cụ thể của việc thực hiện kế hoạch.

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn các nhóm làm tốt để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.
- GV nhận xét và kết luận chung: nhấn mạnh một số hành động, việc làm tích cực khi tham gia hoạt động cộng đồng.

Đối với bài tập này, GV có thể tổ chức một buổi triển lãm tranh quanh khu vực lớp học và mời đại diện các nhóm phát biểu, chia sẻ cũng như thuyết minh cho hoạt động mà nhóm đã hoàn thành.

Nhiệm vụ 2: Viết bài tuyên truyền về chương trình “Giờ Trái Đất” để vận động mọi người cùng tham gia hưởng ứng (5’)

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 2 trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.
- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, viết bài theo hướng dẫn của GV.
- GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.
- GV nhận xét và kết luận chung.

Gợi ý: Đây là phong trào nhằm mục đích gì; Các việc cần làm trong giờ Trái Đất; Lí do vì sao mọi người cần tham gia hoạt động này.

KHÁCH QUAN VÀ CÔNG BẰNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.
- Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi:

- Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.
- Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

3. Phẩm chất

Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GDCC 9.
- Câu chuyện, ca dao, tục ngữ, thành ngữ về khách quan, công bằng.
- Phiếu học tập, máy tính, máy chiếu, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

MỞ ĐẦU (5')

a) *Mục tiêu:* HS có hứng thú học tập, kết nối vào bài mới qua những tìm hiểu và chia sẻ trải nghiệm bước đầu về khách quan, công bằng.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV mời một số HS kể về một trường hợp thể hiện sự khách quan, công bằng trong cuộc sống mà bản thân được chứng kiến.
- Các HS khác lắng nghe, suy nghĩ, nhận xét, rút ra bài học từ những trường hợp đó.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu những biểu hiện và ý nghĩa của khách quan (10')

a) Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện, ý nghĩa của khách quan.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin ở mục Khám phá 1 trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Để thực hiện được tính khách quan, người cán bộ kiểm sát phải làm gì? Điều gì sẽ xảy ra nếu họ thiếu khách quan trong công việc?

2/ Qua thông tin trên, em hãy chỉ ra các biểu hiện và ý nghĩa của khách quan.

3/ Theo em, nhận thức và hành vi thiếu khách quan sẽ có tác hại gì?

– HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi 1, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi 2, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi 3, ghi kết quả thảo luận vào phiếu học tập.

– GV lần lượt mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 1, đại diện các nhóm trả lời câu hỏi 2, 3. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

1/ Để thực hiện được tính khách quan, người cán bộ kiểm sát phải “chí công vô tư, luôn tôn trọng sự thật khách quan; giải quyết công việc theo đúng pháp luật và quy định của Ngành; không vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, không thiên vị hoặc áp đặt định kiến cá nhân chủ quan bất cứ bên nào trong giải quyết vụ án, vụ việc...”.

Nếu họ thiếu khách quan trong công việc sẽ dẫn tới oan sai, xét xử không đúng người, đúng tội, làm mất niềm tin trong nhân dân, làm suy giảm hiệu lực và sức mạnh của bộ máy nhà nước.

2/ Biểu hiện của khách quan: xuất phát từ thực tế, phản ánh thực tế một cách trung thực, tôn trọng sự thật, đánh giá đối tượng dựa trên dữ liệu có thể quan sát, đo lường và chứng minh được.

Ý nghĩa của khách quan: Khách quan giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá đúng bản chất của sự vật, sự việc, con người, từ đó có các quyết định chính xác trong công việc và cách ứng xử văn hoá trong các mối quan hệ.

3/ Nếu nhận thức và hành vi thiếu khách quan sẽ dẫn tới những sai lầm trong công việc và ứng xử, ảnh hưởng tiêu cực tới các mối quan hệ.

Hoạt động 2: Tìm hiểu những biểu hiện và ý nghĩa của công bằng (12')

a) Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện, ý nghĩa của công bằng.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc 3 thông tin, trường hợp ở mục Khám phá 2 trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy chỉ ra những biểu hiện của công bằng/thiếu công bằng trong các thông tin, trường hợp trên.

2/ Em hãy nêu ý nghĩa của công bằng, tác hại của sự thiếu công bằng trong cuộc sống.

– HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi 1, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi 2, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV lần lượt mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 1, đại diện các nhóm trả lời câu hỏi 2. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, định hướng câu trả lời thông qua việc chiếu từng ý lên bảng (gộp 2 câu):

Thông tin/ trường hợp	Công bằng/ thiếu công bằng	Ý nghĩa/tác hại trong từng trường hợp	Ý nghĩa/ tác hại trong cuộc sống
1	Công bằng được hiểu là sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của con người trước pháp luật. Cốt lõi của công bằng là công bằng về cơ hội phát triển, nghĩa là tạo cơ hội như nhau cho mọi người, có tính đến yếu tố khác biệt, người yếu thế hơn sẽ được tạo điều kiện tốt hơn để có cơ hội như người mạnh hơn.	Công bằng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của mỗi cá nhân, góp phần xây dựng xã hội bình đẳng, dân chủ, văn minh.	Công bằng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của mỗi cá nhân, giúp con người có cơ hội phát triển bình đẳng với nhau, giúp họ cảm thấy được tôn trọng, tự tin hơn trong cuộc sống. Công bằng cũng góp phần xây dựng xã hội bình đẳng, dân chủ, văn minh.
2	H được hưởng những chính sách ưu đãi của Nhà nước dành cho HS dân tộc thiểu số. Đó là công bằng (người yếu thế hơn sẽ được tạo điều kiện tốt hơn để có cơ hội như người mạnh hơn).	Công bằng giúp H có cơ hội phát triển để thực hiện mong muốn của mình	

3	Anh Y được mời vào khám trước do có người quen là nhân viên làm việc tại phòng khám, đó là thiếu công bằng (không có sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa anh Y và người khác).	Thiếu công bằng sẽ dẫn tới bất bình đẳng, lợi cho anh Y nhưng thiệt cho người khác, gây bức xúc cho những người khác.	Thiếu công bằng sẽ dẫn tới bất công, bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột trong các mối quan hệ.
---	---	---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu những việc cần làm để thể hiện thái độ khách quan, công bằng (10')

a) *Mục tiêu:* HS nêu được những việc cần làm để thể hiện thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống.

b) *Tổ chức thực hiện:*

– GV hướng dẫn HS đọc trường hợp, kết hợp quan sát hình ảnh ở mục Khám phá 2 trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ *Em có nhận xét gì về lời nói và hành động của các nhân vật trong những trường hợp đó?*

2/ *Nếu ở trong các trường hợp đó, em sẽ làm gì?*

– HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một số HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Trường hợp 1: K không đảm bảo tính khách quan. Dù mỗi người có những nét giống nhau về hứng thú học tập nhưng không đồng nhất. Bởi vậy, K không nên viết thay cho G. Nếu trong trường hợp đó, em sẽ khuyên K không nên làm thế, khuyên G tự tay viết phiếu điều tra để đảm bảo tính khách quan cho kết quả điều tra.

+ Trường hợp 2 (hình ảnh và lời thoại): Bạn nam ngoài cùng bên trái nói sẽ không bầu cho Q làm lớp trưởng vì không bỏ qua việc đi học muộn của bạn đó là thiếu công bằng đối với Q. Hai bạn nữ bên phải thể hiện tinh thần công bằng khi một bạn không bênh vực mà còn chỉ ra khuyết điểm của bạn nam (nhiều lần đi muộn), dù Q không có ở đó nhưng một bạn nữ vẫn khẳng định Q xứng đáng là lớp trưởng và khuyên bạn nam nên cân nhắc để bỏ phiếu cho Q.

Nếu ở trong trường hợp đó, em sẽ khuyên bạn nam nên bỏ phiếu cho Q.

* **Chốt kiến thức (8')**: GV chiếu sơ đồ Chốt kiến thức (căn cứ vào chốt kiến thức trong SGK); HS trình bày tóm tắt nội dung kiến thức đã khám phá dựa trên sơ đồ đó.

CÔNG BẰNG

– Biểu hiện: Nhìn nhận sự vật, hiện tượng chính xác, trung thực, không định kiến, thiên vị.

– Vai trò:

+ Nhìn nhận, đánh giá đúng bản chất sự vật, sự việc, con người.

+ Có quyết định chính xác trong công việc, ứng xử văn hoá trong các mối quan hệ.

+ Thiếu khách quan sẽ dẫn tới sai lầm trong công việc và ứng xử, ảnh hưởng tiêu cực tới các mối quan hệ.

KHÁCH QUAN

– Biểu hiện: đối xử bình đẳng, không thiên vị, không phân biệt đối xử.

– Vai trò:

+ Bảo vệ quyền lợi chính đáng của mỗi cá nhân, giúp con người có cơ hội phát triển bình đẳng, được tôn trọng, tự tin hơn.

+ Góp phần xây dựng xã hội bình đẳng, dân chủ, văn minh.

+ Thiếu công bằng sẽ dẫn tới bất công, bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột trong các mối quan hệ.

– Nhìn nhận, đánh giá sự vật, sự việc khách quan, tôn trọng, bảo vệ lẽ phải.

– Không định kiến, thiên vị trong việc đánh giá việc làm của bản thân và những người xung quanh.

– Phê phán các biểu hiện thiếu khách quan, công bằng.

RÈN LUYỆN

Giao nhiệm vụ về nhà: Làm bài tập số 3, số 5, nộp sản phẩm trên phần mềm dạy học.

TIẾT 2

1. KHỞI ĐỘNG (5')

– GV tổ chức cho HS tham gia giải đố: “Họ là ai?”.

1/ Nhà sử học họ Ngô sống ở thế kỉ 15, tiêu biểu cho tính khách quan, trung thực trong viết sử.

2/ Ông vua được ngành Toà án chọn là nhân vật lịch sử tiêu biểu cho công lí và hoạt động xét xử.

– GV mời một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV đưa ra đáp án: 1/ Nhà sử học Ngô Sĩ Liên; 2/ Vua Lý Thái Tông.

– GV/HS chia sẻ một số thông tin về hai nhân vật này, mời HS nhắc lại ngắn gọn về kiến thức của tiết học trước để dẫn vào tiết học tiếp theo.

2. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.
- Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu ca dao, tục ngữ (9')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1 trong SGK.
- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ, điền vào phiếu học tập.
- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả và xin ý kiến các bạn trong lớp về sản phẩm của mình.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, chốt đáp án:

Câu ca dao, tục ngữ	Khách quan/không khách quan Giải thích	Công bằng/không công bằng Giải thích
a	Khách quan. Nói điều gì đó xác thực, có chứng cứ rõ ràng, có thể kiểm chứng được.	
b	Không khách quan. Khi đã yêu thì mọi thứ đều trở nên tốt đẹp (củ ấu nhiều gai cũng thành tròn), khi đã ghét dù tốt đến mấy cũng thành xấu (quả bồ hòn tròn cũng thành vuông).	
c		Không công bằng. Tình trạng bất công và thiên vị. Một bên thì xem trọng, còn một bên thì coi không ra gì.
d		Công bằng. Pháp luật của vua không thiên vị ai. Trước pháp luật, mọi người đều được đối xử bình đẳng, không phân biệt người thân hay người ngoài.
e		Công bằng. Công bằng, sòng phẳng trong công việc cũng như hưởng thụ thành quả.
g		Công bằng. Ai có công thì sẽ luôn được nhớ tới, người đó sẽ được hưởng. Còn ai có tội thì phải tự chịu, không trốn tránh.

Nhiệm vụ 2: Nhận xét hành vi (10')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 2 trong SGK.
- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ, điền vào nháp/phiếu học tập.
- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả và xin ý kiến các bạn trong lớp về sản phẩm của mình.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, chốt đáp án:
 - a. Không khách quan vì không phải lúc nào ý kiến của số đông cũng đúng.
 - b. Khách quan vì không thể ủng hộ việc làm vi phạm pháp luật dù người đó là ân nhân.
 - c. Không công bằng vì vi phạm bình đẳng giới.
 - d. Không công bằng vì thiên vị bạn thân.
 - e. Công bằng vì đã tạo điều kiện tốt hơn cho người yếu thế có cơ hội như người mạnh hơn.
 - g. Không công bằng mà là cào bằng.

Nhiệm vụ 3: Viết đoạn văn và thuyết trình (5')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 3 trong SGK.
- HS làm bài tập này ở nhà, nộp trên phần mềm dạy học.
- Nếu có thời gian, có thể mời 1 – 2 HS thuyết trình trước lớp. GV lựa chọn một số bài để chấm lấy điểm kiểm tra thường xuyên.
- GV lưu ý đoạn văn cần đáp ứng được các yêu cầu:
 - + Nội dung: Làm rõ tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng: Vì sao “Không có sự khách quan và công bằng, không thể có niềm tin và sự đồng lòng của mọi người”?; dẫn chứng?
 - + Hình thức: Văn phong mạch lạc, lập luận chặt chẽ.

Nhiệm vụ 4: Xử lý tình huống (10')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 4 trong SGK.
- HS lựa chọn các hình thức khác nhau để thực hiện nhiệm vụ này: 1/Xây dựng kịch bản, sắm vai xử lý tình huống/Xây dựng kịch bản, sắm vai thể hiện tình huống và hỏi ý kiến cả lớp về các cách xử lý, sau đó đưa ra cách xử lý của nhóm mình/Làm theo cách 2 nhưng quay clip (nếu GV cho bài tập này từ tuần trước); 2/Thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào phiếu học tập/nháp...
- GV mời một số nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm. Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, gợi ý cách xử lý tình huống:
 - a. Việc làm của H không khách quan, công bằng (bỏ qua lỗi vi phạm của đội bóng lớp 9A, dẫn tới bàn thua cho đội bóng lớp 9B). Là trọng tài, bạn H cần khách quan, chỉ ra lỗi của các cầu thủ, không thiên vị bên nào, từ đó đảm bảo sự công bằng cho các đội bóng.

b. Suy nghĩ của anh C là không đúng. Người lao động có thời gian lao động và độ vất vả như nhau nhưng mức thu nhập lại khác nhau là do năng lực khác nhau nên đóng góp khác nhau.

Nhiệm vụ 5: Liên hệ thực tế (1')

- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập số 5 trong SGK: *Kể về một số biểu hiện thiếu khách quan, công bằng trong cuộc sống và đề xuất cách khắc phục phù hợp.*
- HS có thể làm bài tập này ở nhà và nộp trên phần mềm dạy học. GV mời 1 – 2 HS trình bày sản phẩm (nếu có thời gian), lựa chọn một số sản phẩm để chấm lấy điểm kiểm tra thường xuyên.

3. VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1: Sưu tầm câu chuyện (2')

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện bài tập Vận dụng số 1 trong SGK: *Sưu tầm câu chuyện về sự khách quan, công bằng và rút ra bài học cho bản thân.*

Nhiệm vụ 2: Thiết kế áp phích (3')

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm ở nhà để thực hiện bài tập Vận dụng số 2 trong SGK: *Thiết kế một áp phích tuyên truyền về vai trò của sự công bằng trong xã hội.*

Tiêu chí của áp phích:

- + Nội dung sát chủ đề, đảm bảo tính giáo dục. Gợi ý một số nội dung để thiết kế áp phích:
 - Công bằng là nền tảng của một xã hội hoà bình và phát triển.
 - Công bằng là con đường dẫn tới tự do và sự hạnh phúc của con người.
 - Công bằng là sự cân đối giữa quyền lợi và trách nhiệm của mỗi cá nhân...
- + Hình thức: ngắn gọn, đẹp.
- GV lựa chọn một số sản phẩm của HS để chấm lấy điểm đánh giá thường xuyên.

BẢO VỆ HOÀ BÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.
- Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.
- Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

3. Phẩm chất

Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GD CD 9.
- Clip bài hát cho hoạt động mở đầu, giấy A4.
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện, thông tin về bảo vệ hoà bình.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (5')

a) *Mục tiêu:* Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập của HS và kết nối với bài học mới.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV cho HS đọc đoạn trích lời bài hát “Chúng em cần hoà bình” (sáng tác: Hoàng Long và Hoàng Lân) để cả lớp cùng nghe.
- GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ về cuộc sống hoà bình.
- GV nhận xét, kết luận và dẫn vào bài học mới.

Cuộc sống hoà bình là cuộc sống ấm no và bình yên cho mọi người, là cuộc sống ổn định, phát triển, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau, không có chiến tranh, xung đột là đặc trưng của một xã hội văn minh, là nền tảng để phát triển xã hội bền vững.

Được sống trong hoà bình là khát vọng mãnh liệt của các quốc gia và của cả nhân loại. Bảo vệ hoà bình là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người. Bài học này sẽ giúp em hiểu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình để từ đó thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần bảo vệ hoà bình.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm hoà bình và các biểu hiện của hoà bình (35')

a) *Mục tiêu:* HS nêu được khái niệm hoà bình và biểu hiện của hoà bình.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu cuộc sống của người dân trong chiến tranh và trong hoà bình (20')

– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, đọc thông tin và quan sát các hình ảnh để trả lời câu hỏi trong SGK:

1/ Từ thông tin và các hình ảnh trên, em hãy cho biết cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra hậu quả gì với Thủ đô Hà Nội.

2/ Cuộc sống của người dân và sự phát triển của Hà Nội trong chiến tranh và trong hoà bình có sự khác nhau như thế nào?

– HS làm việc theo cặp đôi, viết câu trả lời ra giấy.

– GV mời đại diện các cặp đôi trả lời câu hỏi, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, đưa ra câu trả lời cho từng câu hỏi:

1/ Hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra đối với Thủ đô Hà Nội:

Để lại những tổn thất về người và của: hàng nghìn người chết, những người may mắn sống sót nhưng mang nhiều di chứng, dư chấn thời hậu chiến: ám ảnh về cái chết, nỗi đau mất người thân, gia đình bị li tán,... Nhiều công trình, nhà máy, xí nghiệp, trường học, nhà ở của người dân bị phá huỷ; ô nhiễm môi trường, thiên nhiên bị tàn phá nghiêm trọng; nền kinh tế trở nên kiệt quệ;...

2/ Sự khác nhau trong cuộc sống của người dân và sự phát triển của Hà Nội trong chiến tranh và trong hoà bình:

+ Cuộc sống trong chiến tranh: Tính mạng của người dân luôn bị đe dọa. Nhiều gia đình bị chia cắt, li tán. Thành phố bị phá huỷ, kinh tế suy sụp, đói nghèo, trẻ em thất học,...

+ Cuộc sống trong hoà bình: Người dân được sống tự do, thoải mái, được vui chơi và tới trường học tập, phát triển bình thường; nhiều công trình công cộng được xây dựng phục vụ cuộc sống con người,... Hà Nội đã trở thành trung tâm kinh tế, chính trị và văn hoá của cả nước và được UNESCO vinh danh là “Thành phố vì hoà bình”.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu khái niệm và biểu hiện của hoà bình (15’)

– GV giao nhiệm vụ cho HS hoạt động nhóm, tiếp tục đọc và khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Theo em, hoà bình là gì? Hãy nêu các biểu hiện của hoà bình.*

– HS làm việc theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Hoà bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; con người được sống trong một môi trường xã hội an toàn, hạnh phúc.

+ Biểu hiện của hoà bình là cuộc sống bình yên, con người được học tập, lao động, phát triển, chung sống hoà thuận cùng nhau; các quốc gia tôn trọng, hợp tác cùng phát triển.

GV có thể sử dụng các thông tin, hình ảnh về lịch sử của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ để giúp HS hiểu được chiến tranh và hoà bình là gì; biểu hiện của hoà bình; hậu quả của chiến tranh cũng như ý nghĩa của hoà bình đối với cuộc sống con người.

* **Chốt kiến thức (5’)**: GV chốt kiến thức trong SGK và trình bày tóm tắt theo sơ đồ/ HS vẽ sơ đồ tư duy và trình bày tóm tắt kiến thức đã khám phá theo sơ đồ.

Khái niệm hoà bình	Biểu hiện của hoà bình
– Là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; – Con người được sống trong một môi trường xã hội an toàn, hạnh phúc.	– Cuộc sống bình yên; – Con người được học tập, lao động, phát triển, chung sống hoà thuận cùng nhau; – Các quốc gia tôn trọng, hợp tác cùng phát triển.

– GV giao nhiệm vụ HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài tập số 1 (bày tỏ quan điểm đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến về hoà bình hoặc bảo vệ hoà bình và giải thích lí do).

TIẾT 2

1. KHỞI ĐỘNG (5’)

– GV cho HS xem video về một số hoạt động bảo vệ hoà bình trên thế giới.

– HS nêu tên các biện pháp bảo vệ hoà bình qua các video trên.

– GV dẫn vào tiết học.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

Hoạt động 2: Tìm hiểu bảo vệ hoà bình và các biện pháp bảo vệ hoà bình (30')

a) *Mục tiêu:* HS nêu được khái niệm bảo vệ hoà bình, ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình và các biện pháp bảo vệ hoà bình.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu lí do vì sao cần phải bảo vệ hoà bình (8')

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu thông tin 1 trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ *Em hãy cho biết hậu quả mà Chiến tranh thế giới thứ hai mang tới cho nhân loại là gì.*

2/ *Mâu thuẫn, xung đột giữa các quốc gia trên thế giới ngày nay đã chấm dứt chưa? Nó ảnh hưởng tới nền hoà bình trên thế giới như thế nào? Theo em, lợi ích của hoà bình là gì?*

3/ *Vì sao chúng ta cần phải bảo vệ hoà bình?*

– HS làm việc theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai: 76 nước bị đưa vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế, thiệt hại về vật chất ước tính khoảng 4.000 tỉ đô la (tính theo giá đương thời). Nền văn minh vật chất và tinh thần của nhân loại bị tàn phá nặng nề.

+ Ngày nay, một số điểm nóng cạnh tranh, xung đột vẫn rất phức tạp, đặc biệt là xung đột sắc tộc, tôn giáo vẫn trở thành nhân tố gây mất ổn định ở một số vùng, lãnh thổ,... khiến cho dân thường vô tội nơi đây phải sống trong tình trạng căng thẳng, lo âu và sợ hãi.

+ Lợi ích của hoà bình: hoà bình và cuộc sống trong hoà bình có giá trị rất lớn đối với mỗi cá nhân, quốc gia và thế giới:

- Đối với cá nhân: Sống trong hoà bình, con người sẽ có cuộc sống hạnh phúc, bình yên,...

- Đối với thế giới: Quốc gia, thế giới sống trong hoà bình sẽ thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội và nhân văn.

+ Chúng ta cần phải bảo vệ hoà bình vì: Hoà bình mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc và bình yên cho mỗi người, mỗi gia đình và xã hội; Bảo vệ hoà bình để ngăn chặn chiến tranh, nhằm phát triển kinh tế – xã hội và phát triển mọi mặt của đời sống xã hội; Bảo vệ hoà bình chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta và các thế hệ tương lai.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các biện pháp góp phần thúc đẩy và bảo vệ hoà bình (7')

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu thông tin 2 và quan sát bức ảnh trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cần làm gì để bảo vệ hoà bình?

2/ Em hãy nêu các biện pháp góp phần bảo vệ hoà bình.

– HS làm việc theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Đối với tất cả các quốc gia cần: Chủ động giải quyết mâu thuẫn bằng biện pháp hoà bình qua thương lượng, đàm phán theo pháp luật quốc tế; dựa trên công lí và chính nghĩa, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.

+ Đối với Việt Nam: Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục xây dựng quân đội – công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc là nền tảng cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

+ Bức tranh Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu thay mặt Chính phủ Việt Nam và Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam kí Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, là một trong các biện pháp đấu tranh của Việt Nam trong việc thương lượng, giải quyết và đình chỉ chiến tranh, khôi phục hoà bình ở Đông Dương, bãi bỏ quyền cai trị của người Pháp, công nhận nền độc lập của ba quốc gia: Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.

+ Một số biện pháp góp phần thúc đẩy hoà bình:

- Chủ động giải quyết mâu thuẫn bằng biện pháp hoà bình qua thương lượng, đàm phán.

- Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, mâu thuẫn căn cứ theo pháp luật quốc tế, dựa trên công lí và chính nghĩa, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về xung đột sắc tộc, chiến tranh phi nghĩa trên thế giới và bày tỏ quan điểm về những sự kiện đó (7')

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm hiểu trên sách báo, Internet và trả lời câu hỏi: *Em hãy lấy ví dụ về xung đột sắc tộc, chiến tranh phi nghĩa trên thế giới và bày tỏ quan điểm của mình về những sự kiện đó.*

– HS làm việc theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, đưa ra gợi ý:
 - + Chiến tranh phi nghĩa: Được tiến hành với mục đích trái với pháp luật quốc tế và giá trị đạo đức nhân loại nhằm xâm chiếm, nô dịch các nước, dân tộc khác. Trong lịch sử nhân loại, đã có nhiều cuộc chiến tranh xâm lược của nước lớn đối với quốc gia nhỏ, yếu hơn hay các cuộc chiến tranh ác liệt, có sức huỷ diệt và tàn phá sự sống của loài người như: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945); cuộc xâm lược của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đối với Việt Nam;...
 - + Xung đột sắc tộc là xung đột giữa hai hoặc nhiều nhóm dân tộc tranh chấp với nhau trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế hoặc tôn giáo. Trong những năm qua, ở nhiều quốc gia, khu vực đã xảy ra những cuộc xung đột liên quan đến dân tộc, tôn giáo, như: xung đột giữa những cộng đồng ở khu vực Trung Đông,...
 - + Chúng ta cần phản đối, phê phán, lên án các cuộc chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc.

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu khái niệm bảo vệ hoà bình và kể thêm các biện pháp thúc đẩy và bảo vệ hoà bình (8')

- GV giao nhiệm vụ cho HS, từ việc tìm hiểu các nội dung trên, em hãy cho biết:
 - 1/ Bảo vệ hoà bình là gì? Hãy kể thêm những biện pháp thúc đẩy và bảo vệ hoà bình mà em biết.
 - 2/ Là HS, em nên có những hành động, việc làm nào để góp phần bảo vệ nền hoà bình cho Việt Nam và thế giới?
- HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.
- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):
 - + Bảo vệ hoà bình là giữ gìn cuộc sống bình yên; dùng thương lượng, đàm phán giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia, không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang.
 - + Kể thêm một số biện pháp thúc đẩy và bảo vệ hoà bình:
 - Tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế về bảo vệ nền hoà bình trên thế giới.
 - Tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc.

- Giao lưu văn hoá vì hoà bình.
- Duy trì hoà bình, an ninh, an toàn tự do hàng hải, hàng không.
- Luôn thể hiện quan điểm tôn trọng hoà bình và phản đối chiến tranh.
- Liên hợp quốc đứng ra giải quyết những vấn đề mâu thuẫn của các nước thành viên. Mọi mâu thuẫn của các nước đều được giải quyết bằng đàm phán trong hoà bình của cấp cao các nước đó.

+ Một số ví dụ minh hoạ cho việc các quốc gia đã sử dụng biện pháp hoà bình để giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn: Việt Nam chủ trương giải quyết tranh chấp trên biển bằng biện pháp hoà bình, áp dụng Công ước Luật Biển 1982 để giải quyết các tranh chấp về phân định biển với các nước láng giềng (Việt Nam đã kí với Thái Lan Hiệp định về phân định biển ngày 9 – 8 – 1997; kí với Trung Quốc Hiệp định về phân định vịnh Bắc Bộ ngày 25 – 12 – 2000; kí với Indonesia Hiệp định về phân định thềm lục địa ngày 26 – 6 – 2003),...

+ Là HS, em có thể thực hiện các việc làm sau để góp phần bảo vệ nền hoà bình cho Việt Nam và thế giới:

- Bảo vệ chủ quyền đất nước, dân tộc.
- Kiên quyết chống đối các lực lượng có hành vi xấu gây nên chiến tranh.
- Tham gia tích cực các cuộc vận động hưởng ứng hoà bình, ngăn chặn chiến tranh.
- Tố giác, báo cáo ngay lập tức mọi hành vi đe dọa hoà bình.
- Tôn trọng nền văn hoá của các dân tộc, quốc gia khác.
- Giao lưu với thanh niên, thiếu niên quốc tế,...

+ Ngoài ra, để hạn chế các hành vi xung đột, bạo lực trong cuộc sống hằng ngày ở nhà, ở trường và cộng đồng, em cần:

- Chung sống thân ái, khoan dung với các bạn và mọi người xung quanh;
- Khi có xích mích thì chủ động gặp nhau trao đổi để hiểu nhau.
- Không phân biệt đối xử (nam/nữ, học giỏi/học kém; thành phần dân tộc; giàu/ngèo).
- Khuyến can, hoà giải khi các bạn có bất đồng, xích mích,...

* Chốt kiến thức (5')

GV chốt kiến thức theo nội dung trong SGK và trình bày tóm tắt theo sơ đồ/HS vẽ sơ đồ tư duy và trình bày tóm tắt kiến thức đã khám phá theo sơ đồ.

Khái niệm bảo vệ hoà bình	Ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình	Các biện pháp góp phần bảo vệ hoà bình	Trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ hoà bình
– Giữ gìn cuộc sống bình yên; – Dùng thương lượng, đàm phán giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia; – Không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang.	– Hoà bình mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc và bình yên cho mỗi người, mỗi gia đình và xã hội; – Bảo vệ hoà bình để ngăn chặn chiến tranh, nhằm phát triển kinh tế – xã hội; – Thúc đẩy và xây dựng các mối quan hệ bình đẳng, hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc.	– Chủ động giải quyết mâu thuẫn bằng biện pháp hoà bình qua thương lượng, đàm phán. – Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, mâu thuẫn căn cứ theo pháp luật quốc tế, dựa trên công lí và chính nghĩa, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.	– Học điều hay, lẽ phải; – Học cách sống hài hoà, văn minh; – Biết giải quyết các mâu thuẫn bằng hoà giải; – Chủ động can ngăn các bất đồng; – Hưởng ứng các phong trào về hoà bình mà trường, lớp tổ chức; – Biết tôn trọng và không phân biệt kì thị văn hoá, dân tộc, sắc tộc; – Lên án chiến tranh phi nghĩa.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.
- Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung hoà bình, bảo vệ hoà bình.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Bài tỏ ý kiến (5')

- GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập số 1 trong SGK, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.
- GV lần lượt mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra đáp án cho từng câu:
 - Không đồng tình, vì khát vọng hoà bình đã trở thành lẽ sống của các dân tộc, các quốc gia trên toàn thế giới (cả các nước đang được sống trong hoà bình) và là động lực to lớn trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đối với mỗi dân tộc, quốc gia và thực hiện trách nhiệm của mỗi quốc gia, dân tộc đối với nền hoà bình trên toàn thế giới.
 - Đồng tình, vì thế giới hiện nay đang trong tiến trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế nên xu thế tất yếu của thời đại chính là hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển.
 - Đồng tình, vì đây là một trong các biện pháp góp phần bảo vệ nền hoà bình của thế giới.

d. Không đồng tình, vì bảo vệ hoà bình là trách nhiệm chung của tất cả các quốc gia, dân tộc để giữ gìn nền hoà bình chung của toàn nhân loại.

– GV nhận xét, kết luận, hướng dẫn nhiệm vụ về nhà:

+ Làm việc cá nhân: Bài Vận dụng số 1: *Em hãy sưu tầm hình ảnh về hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh của nhân dân Việt Nam và các nước trên thế giới và viết lời bình cho hoạt động đó.*

+ HS nộp sản phẩm vào buổi học tiếp theo. GV có thể tổ chức triển lãm tranh xung quanh lớp học.

TIẾT 3

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV mời 1 – 2 HS nhắc lại tóm tắt kiến thức đã khám phá trong hai tiết học trước.

2. LUYỆN TẬP (tiếp theo)

Nhiệm vụ 2: Quan sát các hình ảnh sau và trả lời câu hỏi (10')

– GV giao nhiệm vụ HS nghiên cứu bài tập 2 trong SGK.

– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy A4 hoặc vở nháp.

– GV mời một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét và kết luận:

+ Cả bốn bức tranh đều là những việc tích cực, đúng đắn thể hiện trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc giữ gìn và bảo vệ hoà bình.

• Tranh 1: Bạn nam tham gia vào hoạt động tuyên truyền (vẽ tranh cổ động) về các việc làm góp phần bảo vệ hoà bình. Đây là việc làm đúng, thực hiện trách nhiệm của một người HS đối với việc bảo vệ nền hoà bình.

• Tranh 2: Các bạn HS tham gia lưu văn hoá với quốc gia láng giềng, thể hiện sự tôn trọng nền văn hoá, truyền thống của các dân tộc, quốc gia khác nhằm củng cố, xây dựng tinh thần hợp tác, hoà bình.

• Tranh 3: Bạn nữ tham gia cuộc thi viết thư với thông điệp “Nói không với chiến tranh” nhằm góp phần tuyên truyền nâng cao ý thức phòng chống chiến tranh để bảo vệ nền hoà bình.

• Tranh 4: Nhiều người tham gia giải chạy vì hoà bình để rèn luyện và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao, từ đó nâng cao sức khoẻ để phục vụ học tập, lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, thông qua giải chạy này nhằm lan toả thông điệp bảo vệ hoà bình.

+ Một số việc em đã làm để góp phần bảo vệ hoà bình: GV mời một vài HS nêu những việc các em đã làm và chia sẻ cảm xúc. GV khen ngợi những HS đã có những việc làm tốt góp phần bảo vệ hoà bình.

Nhiệm vụ 3: Em hãy kể tên một địa điểm trên thế giới đã từng xảy ra chiến tranh, khủng bố hoặc xung đột vũ trang gần đây và cho biết nguyên nhân, hậu quả của cuộc chiến tranh, khủng bố hoặc xung đột vũ trang đó. Theo em, mỗi cá nhân, tổ chức cần làm gì để phòng chống chiến tranh, khủng bố và xung đột vũ trang? (10')

- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào giấy A4 hoặc phiếu học tập.
- GV mời đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét và kết luận: Mỗi cá nhân, tổ chức cần phòng, chống chiến tranh, khủng bố và xung đột vũ trang:
 - + *Đối với cá nhân*: Có ý thức bảo vệ hoà bình mọi lúc mọi nơi, tuỳ vào khả năng của mình; ngăn chặn những âm mưu chống phá, gây chiến tranh phá hoại của các thế lực thù địch; tích cực tham gia đấu tranh vì hoà bình và chống chiến tranh tại các khu vực bất ổn hiện nay trên thế giới; không phân biệt đối xử về giới tính, năng lực, màu da, tôn giáo; tôn trọng nền văn hoá, truyền thống của các dân tộc, quốc gia khác; giao lưu với bạn bè trên thế giới; tham gia các hoạt động thiện nguyện như: viết thư; gửi áo ấm, sách vở,... cho trẻ em và nhân dân tại những vùng có chiến tranh, nghèo đói; tham gia các cuộc thi vẽ tranh về hoà bình; tham gia các diễn đàn vì hoà bình do nhà trường, địa phương tổ chức;...
 - + *Đối với Nhà nước*: Chủ động dùng thương lượng, đàm phán giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia, không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang; giải quyết mâu thuẫn theo pháp luật quốc tế, dựa trên công lý và chính nghĩa, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội; tham gia lực lượng giữ gìn hoà bình thế giới;...

Nhiệm vụ 4: Em hãy sưu tầm một số câu nói mang tính chất tuyên ngôn về hoà bình và bảo vệ hoà bình của một số nguyên thủ quốc gia và cho biết ý nghĩa của các câu nói đó (10')

- GV giao nhiệm vụ cho HS tự nghiên cứu bài tập 4 trong SGK.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy A4, vở nháp hoặc phiếu học tập.
- GV mời một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét và kết luận.

4. VẬN DỤNG

- a) *Mục tiêu*: HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống.
- b) *Tổ chức thực hiện*:

Nhiệm vụ 1: Sưu tầm hình ảnh về hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh của nhân dân Việt Nam và các nước trên thế giới và viết lời bình cho hoạt động đó (5')

- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.
- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, sưu tầm tranh ảnh có nội dung về hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh của nhân dân Việt Nam và các nước trên thế giới; đồng thời viết lời bình cho hoạt động đó.
- GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động mở đầu của tiết học tuần kế tiếp.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.
- GV nhận xét và kết luận chung, nhấn mạnh một số hành động, việc làm, biện pháp góp phần bảo vệ hoà bình.

Đối với bài tập này, GV có thể tổ chức một buổi triển lãm tranh quanh khu vực lớp học và mời một số HS phát biểu, chia sẻ cũng như thuyết minh cho hoạt động mà bản thân đã hoàn thành.

Nhiệm vụ 2: Em hãy viết một đoạn văn bày tỏ quan điểm về câu nói: “Hoà bình là đức hạnh của nhân loại. Chiến tranh là tội ác” (Victor Hugo) (5’)

- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.
- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, viết bài theo hướng dẫn của GV.
- GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động mở đầu của tiết học tuần kế tiếp.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.
- GV nhận xét và kết luận chung:

Hoà bình mang đến cuộc sống đầm ấm, tươi vui, hoà hợp. Chiến tranh gây ra mất mát, khổ đau, đói nghèo, bất ổn,... Cả câu có ý nghĩa ngợi ca hoà bình và lên án tội ác của chiến tranh.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

QUẢN LÝ THỜI GIAN HIỆU QUẢ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả.
- Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả.
- Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lý. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ, trách nhiệm trong việc quản lý thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GDCC 9.
- Câu chuyện, tấm gương, những ví dụ thực tế gắn với nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá... (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (7')

a) *Mục tiêu:* HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học mới.
- GV mời hai hoặc ba HS chia sẻ trải nghiệm về việc sử dụng thời gian, lắng nghe HS tự đánh giá bản thân đang sử dụng thời gian hiệu quả hay lãng phí như thế nào, từ đó dẫn dắt vào bài học về “Quản lý thời gian hiệu quả”.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả (30')

a) *Mục tiêu:* HS nhận biết được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả và sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.

b) *Tổ chức thực hiện:*

– GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ *Trong các trường hợp trên, bạn nào quản lí thời gian hiệu quả/không hiệu quả? Vì sao?*

2/ *Em hãy nêu ví dụ về việc quản lí thời gian hiệu quả và cho biết quản lí thời gian hiệu quả mang lại những lợi ích gì.*

– GV hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi và ghi kết quả trao đổi thống nhất của nhóm.

– Đại diện các nhóm báo cáo kết quả các câu trả lời, những HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Trong các trường hợp trên, bạn K và H quản lí thời gian không hiệu quả, bạn M quản lí thời gian hiệu quả, vì:

- Trường hợp 1: Bạn K quản lí thời gian không hiệu quả vì bạn K có rất nhiều công việc cần thực hiện nhưng lại không lên kế hoạch thời gian cụ thể, chưa sắp xếp và ưu tiên những việc cần làm như việc học tập, hoạt động ngoại khoá và thời gian đi chơi. Bên cạnh đó, bạn K còn lãng phí thời gian khi mãi xem ti vi mà quên cả thời gian học bài.

- Trường hợp 2: Bạn H quản lí thời gian không hiệu quả vì dù bạn đã có kế hoạch công việc nhưng lại bị sao nhãng bởi việc nói chuyện điện thoại, mạng xã hội, thiết bị điện tử dẫn đến kết quả là không quản lí tốt thời gian, không thực hiện được kế hoạch đã đặt ra.

- Trường hợp 3: Bạn M quản lí thời gian hiệu quả vì bạn đã xây dựng kế hoạch công việc, quản lí, sắp xếp, phân bổ thời gian hợp lí và tuân thủ kế hoạch đã đề ra và hoàn thành được hết các công việc.

+ Ví dụ về quản lí thời gian hiệu quả: Biết sắp xếp và phân bổ thời gian một cách hợp lí để đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc, học tập hay hoạt động hằng ngày; phân bổ và sử dụng thời gian hợp lí, không lãng phí thời gian vào những việc vô ích, không hướng tới mục tiêu, tập trung hoàn thành công việc đã đề ra, không bị sao nhãng, không trì hoãn.

Những lợi ích của việc quản lý thời gian hiệu quả: Chủ động trong cuộc sống, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, giảm áp lực và căng thẳng, đạt được mục tiêu công việc đã đề ra, cân bằng cuộc sống, hạn chế thói quen xấu, có thời gian dành cho những việc yêu thích, từng bước hoàn thiện bản thân,...

Gợi ý: GV có thể cho HS chơi trò chơi “Tiếp sức” để các HS lần lượt nêu lên những lợi ích của việc quản lý thời gian hiệu quả.

*** Chốt kiến thức (5’)**

GV chốt kiến thức theo nội dung trong SGK:

- Quản lý thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian hợp lý, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.
- Quản lý thời gian hiệu quả giúp ta chủ động trong cuộc sống, công việc; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.

Giao nhiệm vụ về nhà (3’)

GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: *Sưu tầm một số câu chuyện, tấm gương về những người quản lý thời gian hiệu quả và gặt hái được thành công trong cuộc sống.*

TIẾT 2

1. KHỞI ĐỘNG (7’)

- GV mời HS nhắc lại nội dung tiết trước về thế nào là quản lý thời gian hiệu quả và sự cần thiết của việc quản lý thời gian hiệu quả.

Phương án khác: GV mời 1 – 2 HS sưu tầm câu chuyện về quản lý thời gian hiệu quả, chia sẻ với cả lớp và cho HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ.

- GV dẫn vào tiết học.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

Hoạt động 2: Cách quản lý thời gian hiệu quả (30’)

a) *Mục tiêu:* HS nêu được các bước để quản lý thời gian hiệu quả và thực hiện được kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV mời hai HS lần lượt đọc to cho cả lớp nghe nội dung các bước để quản lý thời gian hiệu quả trong SGK.
- GV cho HS nghiên cứu các bước quản lý thời gian hiệu quả, có thể sơ đồ hoá nội dung. HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ *Dựa vào thông tin trên, em hãy giúp bạn K và H ở mục 1 có cách quản lý thời gian hiệu quả hơn.*

2/ *Theo em, để quản lý thời gian hiệu quả cần thực hành những kỹ năng nào?*

3/ Vận dụng cách quản lí thời gian đã học, em hãy xây dựng kế hoạch thời gian và sắp xếp mức độ ưu tiên cho những công việc cần hoàn thành của bản thân trong một tuần.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung câu trả lời.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Giúp bạn K và H có cách quản lí thời gian hiệu quả hơn:

• Trường hợp 1: Bạn K có nhiều công việc cần thực hiện nên cần lên kế hoạch thời gian cho từng công việc. Cụ thể, bạn K cần lập danh sách những việc mình cần hoàn thành, xác định thời hạn của mỗi công việc, đặt mức độ ưu tiên. Ví dụ, ưu tiên việc học tập, rồi các hoạt động ngoại khoá, câu lạc bộ. Nếu có bạn rủ đi chơi cần phân bổ thời gian hợp lí để đảm bảo vẫn thực hiện được các nhiệm vụ cần hoàn thành. Bạn K thường mãi xem ti vi mà quên thời gian thì cần lựa chọn biện pháp để hoàn thành công việc phù hợp, như nhờ bố mẹ nhắc nhở, đặt chuông đồng hồ báo giờ, lập nhóm học tập,... Ngoài ra, bạn cũng cần tập thói quen kỉ luật, loại bỏ yếu tố sao nhãng, có thể đặt ra những hình thức “thưởng”, “phạt” cho bản thân.

• Trường hợp 2: Bạn H đã có kế hoạch và dự định đi ngủ lúc 10h tối. Vấn đề của bạn là bị sao nhãng, thiếu tập trung. Bạn H cần xác định cụ thể thời hạn cho từng công việc của mình và đặt mức độ ưu tiên cho các công việc. Bạn cũng cần lưu ý để không ôm đồm quá nhiều việc một lúc, dẫn đến quá tải, thức khuya dậy sớm, ngủ không đủ giấc, ảnh hưởng đến sức khoẻ. Đặc biệt, để xử lí vấn đề sao nhãng, bạn H cần chọn biện pháp phù hợp với bản thân như học nhóm, nhờ bố mẹ nhắc nhở, đặt báo thức, có các hình thức thưởng phạt, hoặc có thể dán giấy nhắc việc, cất điện thoại trong lúc học,...

+ Một số kĩ năng cần thực hành để quản lí thời gian hiệu quả:

- Xác định mục tiêu các công việc;
- Lập danh sách các công việc cần hoàn thành;
- Xác định thời hạn hoàn thành công việc;
- Lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch nếu cần thiết;
- Sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên;
- Sử dụng các công cụ quản lí thời gian;
- Tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết;
- Tính kỉ luật và thói quen tự giác, chủ động công việc;
- Tập trung công việc.

GV có thể hỏi thêm HS tự đánh giá mình đã có những kĩ năng nào và cần học hỏi, thực hành thêm những kĩ năng nào.

+ GV có thể gợi ý HS tham khảo bảng sau để xây dựng kế hoạch thời gian cho những công việc cần hoàn thành trong vòng một tuần hoặc có cách lên kế hoạch riêng.

Công việc	Thời hạn cần hoàn thành	Mức độ ưu tiên	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú/ Điều chỉnh

* Chốt kiến thức (5')

– GV mời 1 – 2 HS đọc to nội dung chốt kiến thức trong SGK về cách quản lý thời gian hiệu quả.

+ Xác định mục tiêu các công việc cần hoàn thành: xác định danh sách các công việc theo ngày, tuần, tháng; xác định thời hạn hoàn thành và đặt mức độ ưu tiên cho mỗi công việc.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc: Phân bổ thời gian hợp lý cho các công việc trong một khoảng thời gian nhất định; Lựa chọn biện pháp hoàn thành công việc phù hợp với đặc điểm bản thân cũng như hoàn cảnh sống; Điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

+ Thực hiện kế hoạch đã đề ra: kỉ luật, tuân thủ kế hoạch, tránh trì hoãn, “nước đến chân mới nhảy”; Loại bỏ những yếu tố gây mất tập trung, sao nhãng.

Giao nhiệm vụ về nhà (3')

GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài tập số 2.

TIẾT 3

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV mời 1 – 2 HS nhắc lại tóm tắt kiến thức đã khám phá trong 2 tiết học trước.

2. LUYỆN TẬP

a) *Mục tiêu:* HS củng cố kiến thức đã khám phá và thực hành một số tình huống cụ thể.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Nhiệm vụ 1: Bày tỏ ý kiến và giải thích (9')

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, phân công mỗi nhóm thảo luận một ý kiến của bài tập 1 trong SGK, sau đó mời đại diện nhóm lên trình bày trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và đưa ra ý kiến tranh luận, bổ sung.

– Sau khi HS thảo luận, GV nêu ý kiến nhận xét và chốt lại.

Gợi ý câu trả lời:

Quan điểm	Tán thành	Không tán thành	Giải thích
a) Làm được càng nhiều việc càng tốt trong một khoảng thời gian ngắn nhất		x	Quản lí thời gian hiệu quả không phải là làm được càng nhiều việc càng tốt trong một khoảng thời gian ngắn nhất mà là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian hợp lí, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra. Nếu chỉ tập trung làm được càng nhiều việc càng tốt trong một khoảng thời gian ngắn nhất thì có thể gây ra những áp lực, căng thẳng không cần thiết, và cũng chưa nói lên những việc mình làm có hiệu quả, có hướng đến những mục tiêu cần đạt được hay không.
b) Luôn dành thời gian cho những việc mình muốn làm.		x	Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian hợp lí, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra, tức là làm được những việc mình cần làm, biết ưu tiên việc gì làm trước, làm sau hay từ bỏ những việc làm lãng phí thời gian của mình chứ không phải chỉ là luôn dành thời gian cho những việc mình muốn làm.
c) Chủ động sắp xếp công việc hợp lí và biết mình cần hoàn thành những công việc gì, có bao nhiêu thời gian.	x		Quản lí thời gian hiệu quả là chủ động sắp xếp công việc hợp lí và biết mình cần hoàn thành những công việc gì, có bao nhiêu thời gian.

Nhiệm vụ 2: Thuyết trình về sự cần thiết của việc quản lí thời gian hiệu quả (10')

– Nhiệm vụ này (bài tập 2 trong SGK) đã được giao về nhà từ tiết trước, GV mời ba HS đọc to bài thuyết trình mình đã viết hoặc trình bày bằng Powerpoint trước lớp.

– Các HS khác lắng nghe và đóng góp ý kiến.

– GV khen ngợi kết quả làm việc của HS, giúp HS tổng hợp lại các ý về sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.

Một số ý chính về sự cần thiết như:

+ Thời gian là cuộc sống, mỗi người chỉ có thời gian sống hữu hạn. Lãng phí thời gian là lãng phí chính cuộc đời của mình. Nếu lãng phí thời gian cho những việc làm vô ích như lướt mạng xã hội, chơi điện tử, ngủ gật trong giờ học,... thì chính là đang lãng phí cuộc đời mình. Việc lãng phí thời gian như vậy không chỉ khiến con người mất đi nhiều cơ hội quý giá mà còn kéo xa hơn khoảng cách đến với thành công, làm bản thân người đó bị thụt lùi so với cộng đồng.

+ Những người biết quản lí và sử dụng thời gian hiệu quả sẽ có được sự chủ động trong cuộc sống, nâng cao năng suất, hiệu quả công việc, giảm áp lực, tạo động lực, hoàn thiện bản thân, gạt hái được nhiều thành tựu.

Nhiệm vụ 3: Nhận xét cách quản lí thời gian của các bạn N, M và tư vấn giúp các bạn cách làm hiệu quả hơn (9')

– GV yêu cầu HS làm bài tập 3 trong SGK theo nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm đọc một trường hợp và trả lời câu hỏi tương ứng với trường hợp đó.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào bảng hoặc giấy, chuẩn bị trình bày trước lớp.

– GV mời đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó đưa ra kết luận cuối cùng cho mỗi trường hợp:

a. Bạn N đang quản lí thời gian không hiệu quả do ôm đồm nhiều việc cùng một lúc, lại chưa có kế hoạch công việc, không phân bổ thời gian cụ thể nên dẫn đến bị quá tải. Để quản lí thời gian hiệu quả hơn, bạn N cần xác định rõ mục tiêu công việc của mình, lập danh sách công việc cần hoàn thành, xác định thời hạn hoàn thành của các công việc. Đặc biệt, khi đặt mức độ ưu tiên và phân bổ thời gian cho các công việc cần xem xét số lượng công việc phù hợp với khả năng để tránh ôm đồm nhiều việc cùng một lúc. Bạn N vẫn có thể làm được tất cả những việc mình muốn, nhưng cần phân bổ trong thời gian hợp lí, sắp xếp linh hoạt để tránh bị quá tải.

b. Bạn M quản lí thời gian không hiệu quả do thói quen làm việc ngẫu hứng, chưa có mục tiêu các công việc cụ thể, rõ ràng cũng như kế hoạch thời gian cho các công việc. Bạn M cần xác định rõ mục tiêu công việc, từ đó lập danh sách những việc mình cần hoàn thành. Để dần điều chỉnh thói quen ngẫu hứng, gập gềnh làm đó của mình, trong khi phân bổ thời gian, sắp xếp thứ tự ưu tiên, M có thể dành ra những khoảng trống, những ngày ít hoặc không có việc gì quan trọng để làm việc ngẫu hứng, nhưng vẫn cần lưu ý đến thời hạn hoàn thành của các công việc để đảm bảo đúng hạn, giữ kỉ luật bản thân.

Nhiệm vụ 4: Liệt kê những kĩ năng quản lí thời gian và tự đánh giá xem mình đã thực hiện được những kĩ năng nào, cần thay đổi điều gì theo bảng gợi ý (8')

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập 4 trong SGK.

– HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào vở hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và khuyến khích HS thực hiện các kế hoạch thay đổi.

Ví dụ:

Kĩ năng quản lí thời gian	Đã làm được	Chưa làm được	Kế hoạch thay đổi
Xác định mục tiêu công việc cần làm	x		
Lập danh sách các công việc cần hoàn thành		X	– Có một cuốn sổ ghi chép danh sách các công việc cần hoàn thành; – Lập danh sách các công việc cần hoàn thành dựa vào mục tiêu công việc cần làm.
Xác định thời hạn hoàn thành công việc	x		
Lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết		x	– Phân bổ thời gian cho các công việc. – Lập thời gian biểu mỗi ngày.
Sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên		x	– Học hỏi thêm các cách sắp xếp thứ tự ưu tiên. – Xác định rõ việc nào hướng đến thực hiện mục tiêu việc nào không, việc nào sắp đến hạn hoàn thành, ... để sắp xếp thứ tự ưu tiên.
Sử dụng các công cụ quản lí thời gian	x		
Tập trung công việc	x		

VẬN DỤNG (4')

a) *Mục tiêu:* HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống của bản thân.

b) *Tổ chức thực hiện:*

GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập vận dụng này ở nhà, quy định rõ thời gian nộp bài, hình thức sản phẩm.

THÍCH ỨNG VỚI THAY ĐỔI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.
- Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.
- Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết và điều chỉnh để thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GD CD 9.
- Giấy A4, phiếu học tập.
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về chủ đề; tranh về thích ứng thay đổi theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá,... (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (10')

a) *Mục tiêu:* Gợi mở, khai thác những suy nghĩ, trải nghiệm của HS về những thay đổi và thái độ với những thay đổi trong cuộc sống để dẫn dắt vào bài học.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV mời HS đọc câu danh ngôn trong SGK.
- GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét và kết nối vào bài mới.

Gợi ý một số ý chính của câu danh ngôn:

+ Người lái thuyền đi trên biển không thể biết được khi nào thì hướng gió sẽ thay đổi nhưng người đó luôn có thể điều chỉnh cánh buồm để thuận theo chiều gió mà tiến lên, bình an trên biển cả.

+ Tương tự như vậy, những thay đổi trong cuộc sống có thể đến bất cứ lúc nào, ngoài tầm kiểm soát của chúng ta và đôi khi chúng ta cũng không lường trước được, không biết được thay đổi xảy đến này sẽ kéo theo những điều gì. Nhưng trong mọi hoàn cảnh, điều chúng ta có thể kiểm soát được là thái độ và cách chúng ta phản ứng trước thay đổi đó.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của em và gia đình (20')

a) Mục tiêu:

HS nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các trường hợp trong SGK và trả lời các câu hỏi:

1/ Em hãy nêu những thay đổi đã xảy ra và những ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của các nhân vật trong những trường hợp trên.

2/ Em hãy nêu thêm những thay đổi khác có thể xảy ra trong cuộc sống.

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi/nhóm 4 – 6 HS để thực hiện lần lượt từng nhiệm vụ học tập.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy/bảng nhóm hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, đưa ra câu trả lời cho từng câu hỏi, sau đó kết luận.

+ Những thay đổi đã xảy ra và ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của các nhân vật trong từng trường hợp:

- Trường hợp 1: Thay đổi xảy đến với T là sự ra đi đột ngột của bà nội, người vẫn gần gũi, chăm sóc, tâm sự với bạn. T không chấp nhận được sự thật và đã nhốt mình trong phòng, khóc, chìm đắm trong đau buồn.

GV có thể cho HS suy nghĩ thêm một số thay đổi có thể xảy đến như ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe tinh thần, cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày của bạn T.

- Trường hợp 2: Thay đổi xảy đến với V là việc gia đình phải sơ tán đến nơi ở tạm. Cuộc sống bị ảnh hưởng do lũ quét nên giao thông bị gián đoạn, tài sản bị cuốn đi nên việc học tập, sinh hoạt gặp nhiều khó khăn.

GV có thể cho HS mở rộng thêm một số ảnh hưởng khác có thể xảy đến trong hoàn cảnh này như sinh hoạt hằng ngày ở nơi ở mới cần phải thích nghi, làm quen; việc đi chợ, thực phẩm hằng ngày cần nhận hỗ trợ từ chính quyền, bà con; có thể không đến trường được mà học trực tuyến...

- Trường hợp 3: Thay đổi xảy ra với anh K là một tai nạn khiến anh bị thương ở tay. Ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của anh K là khiến cho ước mơ trở thành nghệ sĩ piano của anh không thực hiện được.

+ Những thay đổi khác có thể xảy ra trong cuộc sống như:

- Thay đổi hoàn cảnh sống: chuyển nhà, chuyển trường, bố mẹ đi làm xa, tài chính gia đình gặp khó khăn,...
- Thay đổi về sức khỏe: tai nạn, chấn thương, bệnh hiểm nghèo của bản thân hay của người thân trong gia đình.
- Sự ra đi của người thân.

Gợi ý: GV có thể tổ chức thêm cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để HS kể thêm những thay đổi khác có thể xảy ra trong cuộc sống.

*** Chốt kiến thức (3')**

GV chốt kiến thức: Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình như: sức khỏe, môi trường sống, hoàn cảnh gia đình, sự ra đi của người thân,...

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện kiến thức và thực hành kĩ năng vừa khám phá.
- Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Nêu một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống (10')

- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.
- GV mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, mời một vài HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra câu trả lời.

Gợi ý:

Thay đổi	Nguyên nhân	Hậu quả
Môi trường sống	Thiên tai (bão lũ, sạt lở, ngập nước,...)	Thay đổi chỗ ở, mất mát tài sản, gián đoạn giao thông, ảnh hưởng việc học tập và sinh hoạt.
Gia đình	Mất đi người thân, bố mẹ đi làm xa, chuyển nhà,...	Cảm giác thiếu vắng, hụt hẫng, buồn phiền, nhớ, ... thay đổi trong sinh hoạt hằng ngày.
Bản thân (ngoại hình, sức khỏe,...)	Ốm đau, tai nạn, thay đổi tâm sinh lý,...	Ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày, cảm xúc thay đổi, có thể phải thay đổi kế hoạch tương lai,...

Giao nhiệm vụ về nhà (2')

GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: *Sưu tầm một số câu chuyện, tấm gương về những người đã thích ứng được với những thay đổi xảy ra trong cuộc sống.*

TIẾT 2

KHỞI ĐỘNG (5')

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ nhiệm vụ về nhà ở tiết trước: *Chia sẻ câu chuyện, tấm gương về những người đã thích ứng được với thay đổi xảy ra trong cuộc sống.*
- GV dẫn vào tiết học.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống (30')

a) Mục tiêu:

- HS nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.
- HS nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.
- HS biết áp dụng để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống của bản thân (nếu có) hoặc tư vấn cho bạn bè.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV mời HS đọc cho cả lớp nghe nội dung các cách để thích ứng với sự thay đổi trong SGK.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nghiên cứu các cách để thích ứng với sự thay đổi, có thể sơ đồ hoá nội dung. Sau đó, HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, việc chấp nhận sự thay đổi, giữ bình tĩnh và tìm cách giải quyết vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người khi phải đối mặt với thay đổi lớn trong cuộc sống?

2/ Em hãy áp dụng thông tin trên để tư vấn giúp bạn T và V ở mục 1 có cách thích ứng phù hợp.

3/ Theo em, việc thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?

– GV yêu cầu HS gạch ý câu trả lời ra giấy, phiếu bài tập.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung câu trả lời.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Việc chấp nhận sự thay đổi, giữ bình tĩnh và tìm cách giải quyết vấn đề có ý nghĩa giúp chúng ta thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống, giúp mỗi người có thể sống phù hợp hoàn cảnh, phát triển bản thân.

+ Tư vấn giúp các bạn trong hai trường hợp ở mục 1:

• Trường hợp 1: Sự ra đi của bà nội là một thay đổi lớn trong cuộc sống của bạn T. Thay đổi này cần thời gian và cả sự hỗ trợ mới có thể chấp nhận được. T cần dành thời gian cho bản thân, ở bên cạnh gia đình, bạn bè để có thêm sức mạnh. T cũng cần hiểu rằng bà già yếu và qua đời là một sự thật không thể thay đổi được, chỉ có thể chấp nhận. Sau đó, T có thể học cách nhìn nhận vấn đề theo nhiều góc nhìn, thấy rằng mình vẫn còn bố mẹ, còn ông, còn gia đình, bạn bè, cần biết yêu thương và trân trọng thời gian còn ở bên gia đình. T cũng có thể suy nghĩ theo hướng mình chăm chỉ học giỏi, sống tốt, hạnh phúc sẽ làm bà yên lòng và tự hào.

• Trường hợp 2: Lũ quét là một loại thiên tai, xảy ra nằm ngoài sự kiểm soát của mỗi người nên bạn V cần đối diện và chấp nhận. Dù khó khăn, mất mát về tài sản nhưng ở mặt tích cực, V và gia đình vẫn an toàn, dù phải sơ tán nhưng vẫn có nơi ở, có thức ăn. Thay vì buồn rầu, than phiền thì hãy biết ơn những gì mình đang có. Sau đó, V hãy học cách thích nghi với hoàn cảnh mới, nơi ở mới, cùng với gia đình mình và những người xung quanh ổn định cuộc sống và việc học tập. Nếu những điều xảy ra và việc thích nghi là quá sức với V, bạn cần tìm sự hỗ trợ, ủng hộ từ người thân, bạn bè và những người xung quanh.

+ Việc thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống có ý nghĩa giúp chúng ta vượt qua khó khăn, sự thay đổi của hoàn cảnh, sống phù hợp với hoàn cảnh, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.

*** Chốt kiến thức (5')**

– Thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống sẽ giúp chúng ta vượt qua khó khăn, sự thay đổi của hoàn cảnh, sống phù hợp với hoàn cảnh, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.

– Những biện pháp để thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống:

- + Chấp nhận sự thay đổi là một tất yếu. Thay đổi xảy ra thường nằm ngoài tầm kiểm soát nên thay vì đổ lỗi, tức giận hay lo lắng thì hãy chấp nhận để đối diện và thích ứng.
- + Giữ bình tĩnh để làm chủ cảm xúc và có thêm thời gian để suy xét vấn đề một cách sáng suốt, tránh vội vàng đưa ra những quyết định sai lầm, gây ảnh hưởng tiêu cực.
- + Tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực: chuyện gì cũng có cách giải quyết nên cần cân nhắc, tham khảo và tìm hiểu để có cách giải quyết tốt nhất, phù hợp với bản thân và hoàn cảnh.

Giao nhiệm vụ về nhà (5')

GV tổng kết tiết học và giao cho HS làm bài tập Luyện tập số 4 trong SGK.

GV có thể tham khảo bảng gợi ý sau để hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:

Thay đổi trong cuộc sống	Biện pháp thích ứng	Cách thực hiện (tự làm hay cần nhờ sự hỗ trợ, nếu cần sự hỗ trợ thì nhờ ai?)

TIẾT 3

1. KHỞI ĐỘNG (5')

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ nhiệm vụ về nhà ở tiết trước: bài tập số 4 trong SGK.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và góp ý, tư vấn để HS có được cách vận dụng phù hợp và hữu ích nhất cho thay đổi trong cuộc sống của mình.
- GV dẫn vào tiết học.

2. LUYỆN TẬP (tiếp theo)

Nhiệm vụ 2: Bày tỏ ý kiến (15')

- GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS mỗi nhóm đọc một nhận định và trả lời câu hỏi tương ứng với nhận định đó ở bài tập 2 trong SGK.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào bảng nhóm, giấy và chuẩn bị trình bày trước lớp.
- GV tiến hành lần lượt từng trường hợp. Mời đại diện một nhóm lên trình bày, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung, phản biện.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó đưa ra kết luận cuối cùng cho mỗi trường hợp:

Nhận định	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a) Thay đổi xảy đến luôn đi cùng với khó khăn và tiêu cực, càng tránh được thay đổi thì càng tốt.		X	Thay đổi xảy đến có thể đi cùng với khó khăn và tiêu cực nhưng luôn có nhiều cách để nhìn nhận vấn đề: ẩn trong khó khăn cũng có cơ hội và bên cạnh tiêu cực cũng có những mặt tích cực. Nên khi thay đổi xảy đến, điều quan trọng là cần lựa chọn góc nhìn phù hợp và hữu ích với bản thân.
b) Thích ứng với thay đổi là một trải nghiệm giúp con người học hỏi để trưởng thành.	X		Cuộc sống luôn biến động không ngừng, chính nhờ việc thích ứng với thay đổi thì mỗi người mới học được cách đối diện, cách thích ứng, từ đó học hỏi thêm những điều mới, khám phá khả năng của bản thân, áp dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề, từ đó phát triển và trưởng thành.
c) Ngay cả khi cuộc sống ổn định, chúng ta vẫn cần học tập và rèn luyện kĩ năng thích ứng với sự thay đổi.	X		Cuộc sống hiện tại dù ổn định nhưng trong tương lai cũng không thể biết trước được. Đặc biệt trong thời đại hiện nay, những thay đổi về thiên nhiên, môi trường sống, khoa học công nghệ diễn ra không ngừng nên ngay cả khi cuộc sống ổn định, chúng ta vẫn luôn cần học tập, rèn luyện kĩ năng thích ứng với thay đổi để sẵn sàng ứng phó khi cần thiết.
d) Chúng ta có thể không kiểm soát được thay đổi xảy đến trong cuộc sống nhưng luôn kiểm soát được cách chúng ta thích ứng với thay đổi đó.	X		Có rất nhiều thay đổi xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát như thay đổi về môi trường, kinh tế, khoa học công nghệ, hay những tai nạn, rủi ro bất ngờ. Nhưng cho dù thay đổi như thế nào thì chúng ta vẫn kiểm soát được cách chúng ta thích ứng với thay đổi đó, bao gồm kiểm soát thái độ, hành vi và cách nhìn nhận, giải quyết vấn đề của bản thân.

Nhiệm vụ 3: Tư vấn cho các bạn (20')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 3 trong SGK: đọc từng trường hợp và tìm câu trả lời.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, viết câu trả lời cho từng trường hợp vào phiếu học tập, chuẩn bị trình bày trước lớp.
- GV mời các nhóm lần lượt trả lời từng trường hợp, HS khác trong lớp nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra câu trả lời cho từng trường hợp như sau:

+ Trường hợp a: Sống xa nhà và tự lập là thay đổi mà bạn B cần học cách thích ứng. Khi sống tự lập, B cần học tập và áp dụng nhiều kỹ năng như kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng lập kế hoạch, đặt mục tiêu, quản lý thời gian hiệu quả. Điều quan trọng là bạn B cần ý thức được hoàn cảnh và kỷ luật với bản thân, xác định rõ những ưu tiên trong cuộc sống của mình. Bên cạnh đó, nếu thấy khó khăn, cần lên tiếng, tìm kiếm sự giúp đỡ từ gia đình, nhờ bố mẹ nhắc nhở từ xa, lập hội, nhóm các bạn cùng sở thích, cùng lớp, cùng quê,... để nhắc nhở lẫn nhau, học hỏi kinh nghiệm từ các anh chị đi trước, nhờ bạn bè, thầy cô giúp đỡ.

+ Trường hợp b: Việc mẹ bị đột quỵ là một biến cố lớn đối với cả P và gia đình, cuộc sống trong gia đình sẽ có nhiều biến động. Đầu tiên, P cần chấp nhận hoàn cảnh và sự thật này. P cũng cần làm chủ cảm xúc, giữ thái độ bình tĩnh, không hoảng hốt, không nên buồn phiền, đổ lỗi, trách móc. Sau khi lấy lại tinh thần, P có thể chủ động sắp xếp thời gian để vừa ổn định việc học tập vừa chăm sóc mẹ. P cũng cần tham gia thảo luận, nói chuyện với bố và các thành viên khác trong gia đình để có sự hỗ trợ khi cần thiết.

+ Trường hợp c: Sự thay đổi của bạn S đến từ hoàn cảnh gia đình dẫn đến thay đổi hoàn cảnh sống: bố mẹ đi làm xa, bạn S chuyển nhà, chuyển trường, sống cùng ông bà. Có nhiều thay đổi xảy ra cùng một lúc nên có thể S sẽ thấy khó chấp nhận, thích nghi nên đầu tiên S cần hiểu và chấp nhận những thay đổi này. Nhìn nhận thay đổi ở những góc nhìn tích cực như: là cơ hội để học hỏi, tự lập, trưởng thành, có thời gian ở bên cạnh ông bà,... Bạn S nên giữ thái độ bình tĩnh, từ đó chủ động thích nghi như làm quen với các bạn mới trong lớp, thích nghi với môi trường sống và học tập, dần dần ổn định việc học và sinh hoạt ở nơi mới. Nếu thấy nhớ bạn bè ở lớp cũ có thể thường xuyên liên lạc qua thư điện tử, mạng xã hội, đồng thời cũng cần cởi mở, làm quen, kết bạn với các bạn mới, chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè và những người xung quanh nếu cần.

Giao nhiệm vụ về nhà (5')

GV tổng kết tiết học và giao HS làm bài tập Vận dụng trong SGK.

TIẾT 4

1. KHỞI ĐỘNG (10')

– GV mời 1 – 2 HS chia sẻ nhiệm vụ về nhà ở tiết học trước.

– GV nhận xét và tổng hợp một số kỹ năng để thích ứng với thay đổi như: kỹ năng làm chủ cảm xúc, kỹ năng giữ bình tĩnh, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ,...

– GV mở rộng bài Vận dụng và cho HS chia sẻ trải nghiệm của mình khi đã áp dụng những kỹ năng nói trên để thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

2. ÔN TẬP KIẾN THỨC

* Ôn tập lí thuyết (15')

– GV cho HS làm việc nhóm, sơ đồ hoá lại kiến thức đã học (có thể áp dụng biện pháp sơ đồ tư duy, kĩ thuật khăn trải bàn,...) và mở rộng với phần tổng hợp những kĩ năng để thích ứng với thay đổi đã nói ở phần mở đầu.

– GV mời 1 – 2 nhóm lên trình bày sản phẩm.

* Luyện tập (15')

– GV lựa chọn một số câu hỏi trong sách bài tập hoặc đặt ra các tình huống để HS thảo luận, vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, xử lí tình huống.

* Tổng kết, hỏi đáp (5')

– GV tổng kết lại bài học và giải đáp thắc mắc của HS (nếu có).

– GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị nội dung cho chủ đề tiếp theo.

BÀI 8

(4 tiết)

TIÊU DÙNG THÔNG MINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.
- Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*: Tìm hiểu, học hỏi những hành vi tiêu dùng thông minh trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GD CD 9.
- Giấy A4, phiếu học tập.
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về tiêu dùng thông minh.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (5')

a) *Mục tiêu:* Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học; Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về tiêu dùng thông minh trong đời sống, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy chia sẻ thói quen tiêu dùng của bản thân hoặc người thân trong gia đình và nêu kết quả của mỗi thói quen đó.*
- HS thực hiện nhiệm vụ viết một số thói quen tiêu dùng ra giấy.
- GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét rồi kết nối vào bài mới.

Gợi ý phương án khác: GV có thể sử dụng một câu chuyện hoặc khai thác trải nghiệm của HS về một lần thực hiện hành vi tiêu dùng thông minh,... để khởi động bài học.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm, biểu hiện và lợi ích của tiêu dùng thông minh (25')

a) *Mục tiêu:*

- HS nêu được khái niệm, biểu hiện và lợi ích của tiêu dùng thông minh.
- Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh, tiêu dùng kém thông minh.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ *Em hãy quan sát các hình ảnh và cho biết bạn nào có thói quen tiêu dùng tốt/chưa tốt? Giải thích vì sao.*

2/ *Theo em, thế nào là tiêu dùng thông minh?*

3/ *Từ những hình ảnh trên, em hãy cho biết biểu hiện của người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh. Những hành vi tiêu dùng thông minh mang lại lợi ích gì?*

Chú ý: GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi/nhóm 4 – 6 HS, thực hiện lần lượt từng nhiệm vụ học tập (từng câu hỏi).

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân hoặc theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy/bảng hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, mời các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, đưa ra câu trả lời cho từng câu hỏi, sau đó chốt kiến thức.

+ Tranh 1: Biểu hiện hành vi tiêu dùng thông minh: có kế hoạch và tiết kiệm.

+ Tranh 2: HS bên phải biểu hiện hành vi tiêu dùng thông minh vì đã biết tìm hiểu thông tin về sản phẩm và lựa chọn cửa hàng có uy tín để mua sản phẩm.

+ Tranh 3: Người con có biểu hiện tiêu dùng kém thông minh: mua dư thừa sản phẩm, không tiết kiệm.

+ Tranh 4: HS biểu hiện tiêu dùng kém thông minh vì quyết định vội vã khi mua sản phẩm, bị tác động bởi những quảng cáo, khuyến mại.

Gợi ý: GV có thể tổ chức thêm cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh? Ai đúng?” để HS kể thêm những biểu hiện của tiêu dùng thông minh/tiêu dùng kém thông minh.

– GV kết luận:

+ Tiêu dùng thông minh là việc biết chi tiêu có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của bản thân.

+ Biểu hiện của tiêu dùng thông minh: có kế hoạch mua sắm những thứ cần thiết, phù hợp với đặc điểm của bản thân; tìm hiểu các thông tin về sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả, cách sử dụng,...); không bị tác động và quyết định vội vã bởi cảm xúc, các thông tin quảng cáo, khuyến mại; lựa chọn các phương thức thanh toán phù hợp, an toàn...

+ Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, phù hợp với mục đích tiêu dùng của cá nhân, tiết kiệm được tiền bạc và thời gian, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.

3. LUYỆN TẬP

a) *Mục tiêu:* HS củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa khám phá về khái niệm, biểu hiện và lợi ích của tiêu dùng thông minh.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Nhiệm vụ 1: Xác định người tiêu dùng thông minh (15’)

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập 1 trong SGK.

– HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra đáp án cho từng câu:

a. Đây là hành vi tiêu dùng thông minh vì biểu hiện của tiêu dùng thông minh là biết chọn dùng sản phẩm có chất lượng để việc tiêu dùng đạt hiệu quả, đảm bảo sức khỏe, an toàn khi tiêu dùng.

b. Đây là hành vi tiêu dùng không thông minh vì nhiều sản phẩm do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất trong nước hiện nay có chất lượng không thua kém sản phẩm nhập khẩu lại có giá cả phải chăng cùng với những tính năng, công dụng phù hợp với đặc điểm tiêu dùng của người Việt Nam.

c. Đây là hành vi tiêu dùng thông minh, thực hiện đúng theo cách tiêu dùng thông minh là phải tìm hiểu thông tin về sản phẩm có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và mua ở các địa chỉ tin cậy sẽ đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

d. Đây là hành vi tiêu dùng thông minh. Việc tham khảo ý kiến của người đã sử dụng sản phẩm ở cơ sở định mua giúp có thêm thông tin chính xác hơn, thực tế hơn để mua được hàng hoá hiệu quả.

Gợi ý: GV có thể tổ chức hoạt động này dưới dạng trò chơi trí tuệ, sử dụng các ý kiến trong bài tập là một trong số các phương án đúng/sai để cho HS lựa chọn.

TIẾT 2

1. MỞ ĐẦU (5')

GV tổ chức cho HS chơi trò “Ai nhanh, ai đúng” kể tên những biểu hiện tiêu dùng thông minh. Bạn nào có đáp án sau cùng sẽ là người chiến thắng.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách tiêu dùng thông minh (35')

a) *Mục tiêu:* HS biết được cách thực hiện tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được các hình thức quảng cáo khác nhau, lựa chọn được phương thức thanh toán phù hợp,...).

b) *Tổ chức thực hiện:*

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các cách tiêu dùng thông minh thể hiện qua thông tin và hình ảnh (20')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc hướng dẫn trong SGK, nghiên cứu trường hợp minh hoạ bằng hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi: *Từ thông tin và hình ảnh trên, em hãy nêu những điểm cần lưu ý trong việc xây dựng kế hoạch chi tiêu, tìm hiểu thông tin sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn và lựa chọn phương thức thanh toán. Theo em, những việc làm đó mang lại lợi ích gì cho người tiêu dùng?*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
 - + Xây dựng kế hoạch chi tiêu hợp lý: chỉ mua những vật dụng thiết yếu, phù hợp với nhu cầu, khả năng thanh toán của bản thân.
 - + Tìm hiểu các thông tin về sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả, công dụng,...) qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc được thông tin chính xác.
 - + Sử dụng sản phẩm an toàn: theo hướng dẫn sử dụng, đảm bảo an toàn cho sức khỏe.
 - + Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: thanh toán bằng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến tùy vào tình hình thực tế và điều kiện của bản thân; kiểm tra kĩ sản phẩm, hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.
- Gợi ý: GV có thể dùng tranh ảnh, clip giới thiệu về thông tin, các trường hợp có nội dung liên quan đến từng cách tiêu dùng thông minh để thay thế cho hình ảnh minh hoạ trong SGK.*

Nhiệm vụ 2: Nhận xét việc thực hiện các cách tiêu dùng thông minh của bản thân (15')

- Sau khi kết thúc hoạt động tìm hiểu cách tiêu dùng thông minh, GV triển khai nhiệm vụ thứ hai trong hoạt động này: *Dựa vào hướng dẫn trên, em hãy nhận xét việc thực hiện các cách tiêu dùng thông minh của bản thân. Nêu ví dụ minh hoạ.*
- GV yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời ra giấy.
- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả dưới hình thức mời một HS trong lớp đóng vai phóng viên đi phỏng vấn một số bạn trong lớp (có thể phỏng vấn cả cô giáo).
- GV mời HS trong lớp nhận xét thêm về những chia sẻ của các bạn, sau đó GV nhận xét, kết thúc nhiệm vụ 2: HS cần học hỏi cách tiêu dùng thông minh và thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong cuộc sống; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

3. VẬN DỤNG (5')

a) *Mục tiêu:* HS vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến tiêu dùng thông minh.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng trong SGK: *Hãy liệt kê một số việc em đã vận dụng cách tiêu dùng thông minh trong cuộc sống hằng ngày, nêu kết quả và chia sẻ với các bạn.*
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà, có thể liệt kê theo bảng mẫu dưới đây:

Hành vi tiêu dùng đã thực hiện	Kết quả đạt được

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, viết bài theo hướng dẫn của GV.

TIẾT 3

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập vận dụng, các HS khác trong lớp nhận xét. GV nhận xét và triển khai nội dung tiết học mới.

2. LUYỆN TẬP (tiếp theo)

Nhiệm vụ 2: Nhận xét hành vi (15')

- GV chia lớp thành 6 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS ở hai nhóm đọc một trường hợp ở bài tập 2 trong SGK và trả lời câu hỏi tương ứng với trường hợp đó.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào bảng/giấy A0, để trình bày trước lớp.
- GV tiến hành lần lượt từng trường hợp. Mời đại diện nhóm 1 lên trình bày, đại diện nhóm 2 nhận xét, bổ sung, phản biện, các HS khác trong lớp có ý kiến khác.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó đưa ra kết luận:
 - a. Bạn H đã có hành vi tiêu dùng không thông minh vì tiêu dùng thông minh phải có kế hoạch, trước khi đi mua nhiều đồ dùng học tập cần liệt kê những thứ cần thiết để mua cho đủ, đúng, tránh mua thừa hoặc thiếu.
 - b. Bạn D có hành vi tiêu dùng kém thông minh vì mua hải sản không có xuất xứ nguồn gốc lại không đảm bảo chất lượng có thể nguy hại đến sức khỏe.
 - c. Bạn C đã có hành vi tiêu dùng thông minh vì không bị chi phối bởi các hình thức khuyến mại để quyết định không mua sản phẩm khi thấy không thật sự cần thiết.

Nhiệm vụ 3: Nêu lợi ích của hành vi tiêu dùng thông minh (15')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập 3 trong SGK: đọc từng trường hợp và tìm câu trả lời.
- HS thực hiện nhiệm vụ, viết câu trả lời cho từng trường hợp vào phiếu học tập để trình bày trước lớp.
- GV mời 1 – 2 HS trả lời cho từng trường hợp, mời HS khác trong lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra kết luận:
 - a. Chị A đã thực hiện cách tiêu dùng thông minh khi mua sản phẩm có nhiều chức năng và sử dụng hiệu quả tất cả các chức năng đó nên không tốn tiền mua nhiều vật dụng khác nhau mà vẫn thoả mãn nhu cầu sử dụng.
 - b. Anh B đã vận dụng cách tiêu dùng thông minh tìm hiểu kĩ sản phẩm và người cung cấp sản phẩm để mua được sản phẩm có chất lượng, giá cả tốt và chọn được nhà cung cấp có uy tín.
 - c. Bạn H có hành vi tiêu dùng thông minh, nhờ chọn mua những kênh mua sắm có uy tín, bạn sẽ được hưởng chất lượng dịch vụ tốt, mua được hàng hoá đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lí và còn được hưởng nhiều ưu đãi khác.

3. VẬN DỤNG (10')

GV mời 3 – 5 HS lên trình bày kết quả thực hiện bài tập Vận dụng. Mời HS trong lớp nhận xét, sau đó GV nhận xét và kết thúc tiết học.

TIẾT 4

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV mời 1 – 2 HS báo cáo bài tập vận dụng hoặc lựa chọn 1 – 2 tình huống/trường hợp có nội dung về các cách thực hiện tiêu dùng thông minh (có thể dưới dạng video hoạt hình) để HS nhận xét hành vi tiêu dùng đó. Sau đó, GV nhận xét và tiếp tục nội dung tiết học thứ tư.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

* Ôn tập kiến thức đã học trong toàn bài (20')

- GV giao nhiệm vụ cho HS vẽ sơ đồ tư duy, thể hiện toàn bộ nội dung kiến thức mới đã học trong bài.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm hoặc cá nhân, vẽ sơ đồ tư duy vào vở hoặc giấy A0 để chuẩn bị báo cáo trước lớp.
- GV mời 1 – 2 HS lên trình bày sơ đồ tư duy, các HS khác trong lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét và kết luận (GV có thể chiếu sơ đồ tư duy nội dung bài học để HS dễ theo dõi).

3. LUYỆN TẬP (tiếp theo)

Nhiệm vụ 4: Xử lý tình huống (20')

- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc tình huống ở bài tập 4 trong SGK và trả lời câu hỏi.

Gợi ý:

- + GV có thể giao cho 1/2 số nhóm trong lớp thực hiện tình huống 1 và 1/2 nhóm còn lại thực hiện tình huống số 2.
- + GV có thể tổ chức cho các nhóm dựa trên nội dung tình huống trong SGK, xây dựng kịch bản, đóng vai thể hiện vở kịch trên lớp.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm (dưới sự phân công và hình thức tổ chức của GV), viết câu trả lời ra bảng nhóm, giấy A0 (hoặc thể hiện bằng lời thoại trong kịch bản).
- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận (hoặc diễn kịch), đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung, phản biện.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra ý kiến kết luận (GV dựa vào các cách thực hiện tiêu dùng thông minh đã nghiên cứu ở phần Khám phá để gợi ý cho từng tình huống) như:
 - + Xác định chính xác những vật dùng cần mua.

- + Tìm hiểu thông tin về sản phẩm và nhà sản xuất, nhà cung ứng sản phẩm.
- + Lựa chọn những sản phẩm tiêu dùng an toàn, phù hợp với đặc điểm bản thân.
- + Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp.

Lưu ý: GV có thể sử dụng thêm một số bài trong sách Bài tập để tổ chức cho HS luyện tập thêm tương ứng với nội dung dạy học ở mỗi tiết.

BÀI 9

(4 tiết)

VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GD CD 9.
- Giấy A4, phiếu học tập.
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá,... (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (5')

a) *Mục tiêu:*

- Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học.

– Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về hành vi vi phạm pháp luật và hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) Tổ chức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Hãy kể một số hành vi vi phạm pháp luật mà em biết và nêu hậu quả của hành vi đó.*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

Phương án khác: GV có thể nêu một số hành vi và yêu cầu HS nhận xét xem đó có phải là hành vi vi phạm pháp luật hay không; cho HS xem clip/nghe câu chuyện, bài báo về hành vi vi phạm pháp luật để mở đầu bài học,...

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu vi phạm pháp luật (40')

a) Mục tiêu:

– HS nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và các loại vi phạm pháp luật.

– HS phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật trong một số tình huống cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Khai thác thông tin và trường hợp trong SGK (30')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và trường hợp 1, 2, 3, 4 trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy dựa vào nội dung về dấu hiệu của các loại vi phạm pháp luật để xác định dấu hiệu vi phạm pháp luật và phân loại vi phạm pháp luật của mỗi chủ thể trong các trường hợp 1, 2, 3, 4.*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy/bảng nhóm/phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Hành vi của anh M có các dấu hiệu:

• Hành vi trái pháp luật, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước, cụ thể là vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ: không đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe máy vượt đèn đỏ, lạng lách, đánh võng, tạt đầu các phương tiện khác.

- Hành vi có lỗi: anh M cố ý điều khiển xe máy vượt đèn đỏ, lạng lách, đánh võng, tạt đầu các phương tiện giao thông khác.

- Hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện: anh M đã 19 tuổi, có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, tự quyết định cách xử sự của mình.

- Hành vi gây nguy hiểm cho xã hội: hành vi của anh M có thể gây tai nạn giao thông cho người dân đang tham gia giao thông, gây thiệt hại về người và tài sản.

⇒ Hành vi của anh M vi phạm hành chính.

+ Hành vi của bà B có các dấu hiệu:

- Hành vi trái pháp luật, xâm phạm quan hệ tài sản (quyền sở hữu của ông A) được pháp luật bảo vệ và được quy định cụ thể trong Bộ luật Dân sự năm 2015: bà B vay tiền của ông A nhưng không trả nợ dù đã đến thời hạn phải trả.

- Hành vi có lỗi: bà B cố ý không trả nợ dù ông A đã đến đòi tiền.

- Hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm dân sự thực hiện: bà B đủ tuổi (trên 18 tuổi) để có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, tự quyết định cách xử sự của mình.

- Hành vi gây thiệt hại về tiền bạc cho ông A.

⇒ Hành vi của bà B vi phạm dân sự.

+ Hành vi của anh P có các dấu hiệu:

- Hành vi vi phạm quy định của công ty: anh P nhiều lần đi làm muộn hơn so với thời gian công ty quy định mà không có lí do chính đáng và không hoàn thành công việc được công ty giao.

- Hành vi có lỗi: anh P nhiều lần đi muộn, biết rõ vi phạm quy định của công ty mà vẫn cố ý thực hiện.

- Hành vi do chủ thể trong nội bộ cơ quan, tổ chức thực hiện: anh P là nhân sự của công ty.

- Hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động bình thường của công ty, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc.

⇒ Anh P vi phạm kỉ luật.

+ Hành vi của anh T và anh Q có các dấu hiệu:

- Hành vi trái pháp luật, vi phạm quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Hành vi gây nguy hiểm cho xã hội: anh T và anh Q vận chuyển ma túy từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam để bán cho các đối tượng nghiện hút, gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội.
- Hành vi có lỗi: anh T và anh Q cố ý vận chuyển ma túy vào lãnh thổ Việt Nam để bán kiếm lời.
- Hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện: anh T và anh Q đủ tuổi (trên 18 tuổi) để có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, tự quyết định cách xử sự của mình.

⇒ Hành vi của anh T và anh Q vi phạm hình sự.

Nhiệm vụ 2: Nêu khái niệm vi phạm pháp luật và các loại vi phạm pháp luật (10')

- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và trường hợp 1, 2, 3, 4 trong SGK để trả lời câu hỏi: *Theo em, vi phạm pháp luật là gì? Có những loại vi phạm pháp luật nào?*
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo cá nhân, viết câu trả lời ra giấy.
- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):
- + Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- + Vi phạm pháp luật bao gồm: vi phạm hình sự (tội phạm), vi phạm dân sự, vi phạm hành chính, vi phạm kỉ luật.

TIẾT 2

1. KHỞI ĐỘNG (5')

- GV chiếu một số hình ảnh/video ngắn về hành vi vi phạm pháp luật (ví dụ: lái xe vượt đèn đỏ, không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe máy,...) và yêu cầu HS xác định xem các nhân vật trong hình ảnh/video có vi phạm pháp luật không, nếu vi phạm thì họ sẽ phải chịu trách nhiệm như thế nào.
- GV mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời, sau đó nhận xét và dẫn dắt vào nội dung tiết học mới.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

Hoạt động 2: Tìm hiểu trách nhiệm pháp lý (40')

a) Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm trách nhiệm pháp lý và các loại trách nhiệm pháp lý.
- HS nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý.
- HS phân tích, đánh giá được trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Khai thác thông tin và trường hợp trong SGK (30')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và trường hợp 1, 2, 3, 4 trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy dựa vào nội dung về đặc điểm của các loại trách nhiệm pháp lý để xác định loại trách nhiệm pháp lý tương ứng với hành vi vi phạm của mỗi chủ thể trong các trường hợp 1, 2, 3, 4 (ở mục 1).*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy/bảng nhóm/phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Anh M phải chịu trách nhiệm hành chính. Lí do:

- Trách nhiệm đó phát sinh khi anh M vi phạm hành chính.
- Trách nhiệm đó có giá trị bắt buộc và được quy định trong các văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông.
- Trách nhiệm đó do cơ quan có thẩm quyền (cơ quan công an) áp dụng đối với anh M.
- Trách nhiệm đó sẽ gây nên những thiệt hại về tài sản cho anh M.
- Trách nhiệm đó buộc anh phải chịu các biện pháp cưỡng chế như: phạt tiền; tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn; tạm giữ xe máy;...

+ Bà B phải chịu trách nhiệm dân sự. Lí do:

- Trách nhiệm đó phát sinh khi bà B vi phạm dân sự.
- Trách nhiệm đó được quy định trong Bộ luật Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
- Trách nhiệm đó do cơ quan có thẩm quyền (Toà án) áp dụng đối với bà B.
- Trách nhiệm đó sẽ gây nên những thiệt hại về tài sản, nhân thân,... cho bà B (phải trả lại tiền cho ông A, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín,...).
- Trách nhiệm đó buộc bà B phải chịu các biện pháp cưỡng chế như: buộc trả nợ,....

+ Anh P phải chịu trách nhiệm kỉ luật. Lí do:

- Trách nhiệm đó phát sinh khi anh P vi phạm kỉ luật.
- Trách nhiệm đó được quy định trong Bộ luật Lao động, nội quy, quy định của cơ quan, tổ chức.
- Trách nhiệm đó do người đứng đầu công ty áp dụng đối với anh P.
- Trách nhiệm đó gây nên những thiệt hại về công việc, thu nhập,... cho anh P.

- Trách nhiệm đó buộc anh P phải chịu các biện pháp cưỡng chế như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, buộc thôi việc,...
- + Anh T và anh Q phải chịu trách nhiệm hình sự. Lí do:
 - Trách nhiệm đó phát sinh khi anh T và anh Q vi phạm hình sự.
 - Trách nhiệm đó được quy định trong Bộ luật Hình sự.
 - Trách nhiệm đó do cơ quan có thẩm quyền (toà án) áp dụng đối với anh T và anh Q.
 - Trách nhiệm đó sẽ tước bỏ quyền, lợi ích của anh T và anh Q.
 - Trách nhiệm đó buộc anh T và anh Q phải chịu các biện pháp cưỡng chế như: phạt tiền, phạt tù, tử hình,...

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu khái niệm trách nhiệm pháp lí và các loại trách nhiệm pháp lí (10')

- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và trường hợp 1, 2, 3, 4 trong SGK để trả lời câu hỏi: *Theo em, trách nhiệm pháp lí là gì? Có những loại trách nhiệm pháp lí nào?*
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo cá nhân, viết câu trả lời ra giấy.
- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
- + Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các chủ thể phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.
- + Trách nhiệm pháp lí bao gồm: trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật.

TIẾT 3

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV chiếu cho HS xem một số hình ảnh/video về trách nhiệm pháp lí (ví dụ: video Toà tuyên án người vi phạm pháp luật,...) và dẫn dắt vào nội dung ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí (15')

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và trường hợp 1, 2, 3, 4 trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy cho biết trách nhiệm pháp lí có ý nghĩa gì. Giải thích và nêu ví dụ minh họa.*

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, viết câu trả lời ra giấy/phiếu học tập.
- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý: là sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; củng cố lòng tin của người dân vào pháp luật; góp phần duy trì trật tự, an toàn xã hội.

Giải thích:

+ Trách nhiệm pháp lý là sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật đối với các chủ thể vi phạm pháp luật vì trách nhiệm pháp lý buộc chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu những hậu quả bất lợi, phải chịu các biện pháp cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền và có thể bị tước bỏ quyền, lợi ích.

Ví dụ, chủ thể có hành vi giết người sẽ bị phạt tù, thậm chí tử hình.

+ Trách nhiệm pháp lý giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm: trách nhiệm pháp lý giúp người dân nâng cao hiểu biết về pháp luật; giáo dục, răn đe mọi người tôn trọng, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống để phòng tránh những hành vi vi phạm pháp luật, phòng tránh những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra. Trách nhiệm pháp lý giúp các chủ thể vi phạm pháp luật có cơ hội nhìn nhận lại lỗi lầm của mình và có ý thức để thay đổi tích cực hơn.

Ví dụ, người dân sau khi theo dõi một phiên tòa xét xử và tuyên án đối tượng phạm tội sẽ rút ra được bài học cho bản thân, hiểu biết thêm về pháp luật, có ý thức tuân theo pháp luật để phòng tránh những sai lầm tương tự.

+ Trách nhiệm pháp lý củng cố lòng tin của người dân vào pháp luật; góp phần duy trì trật tự, an toàn xã hội: Việc pháp luật kịp thời xử lý những chủ thể phạm tội với những biện pháp tương ứng với mức độ sai phạm sẽ khiến người dân thêm tin tưởng vào tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời hạn chế các hành vi vi phạm, góp phần duy trì an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Ví dụ, khi cơ quan công an đẩy mạnh việc xử lý các hành vi không đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy thì tình trạng người dân không sử dụng mũ bảo hiểm khi lái xe sẽ giảm.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.
- HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Bài tỏ ý kiến và giải thích (5')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1 trong SGK.
- HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

– GV lần lượt mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra đáp án cho từng câu:

a. Đây là ý kiến sai vì những hành vi trái pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ nhưng không có yếu tố lỗi, do chủ thể không có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện thì không phải là hành vi vi phạm pháp luật.

b. Đây là ý kiến sai vì theo quy định tại Điều 13 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự và say rượu chỉ là một trạng thái nhất thời của con người khi sử dụng chất kích thích, khi hết ảnh hưởng từ rượu thì con người sẽ có sự tỉnh táo trở lại, những hành vi của người say rượu mà có đủ các dấu hiệu cấu thành vi phạm pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.

c. Đây là ý kiến sai vì bên cạnh những ý nghĩa tiêu cực đối với chủ thể vi phạm pháp luật thì trách nhiệm pháp lý còn mang lại những ý nghĩa tích cực như: giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; củng cố lòng tin của người dân vào pháp luật; góp phần duy trì trật tự an toàn xã hội;...

d. Đây là ý kiến đúng vì trách nhiệm pháp lý góp phần răn đe, cảnh cáo để các chủ thể không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời, giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Nhiệm vụ 2: Chỉ ra dấu hiệu vi phạm pháp luật, đặc điểm trách nhiệm pháp lý, xác định loại vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý tương ứng (17')

– GV chia lớp thành 6 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS ở mỗi nhóm đọc một trường hợp ở bài tập 2 trong SGK và thực hiện nhiệm vụ học tập.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào bảng nhóm, giấy A0, chuẩn bị trình bày trước lớp.

– GV tiến hành lần lượt từng trường hợp. Mời đại diện nhóm được giao trường hợp trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó đưa ra kết luận cuối cùng cho mỗi trường hợp:

a. Ông P vi phạm hình sự và đã phải chịu trách nhiệm hình sự.

Giải thích:

+ Ông P vi phạm hình sự vì hành vi tổ chức hoạt động chống phá Nhà nước, gây rối an ninh trật tự địa phương là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đây là hành vi có lỗi cố ý,

ông P đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

+ Ông P đã phải chịu trách nhiệm hình sự vì bản án 9 năm tù giam là một biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm hình sự, bản án này tước bỏ quyền tự do về thân thể và các quyền, lợi ích khác của ông P; mức xử phạt này được quy định trong Bộ luật Hình sự và do Toà án áp dụng đối với ông P sau khi ông thực hiện hành vi vi phạm hình sự.

b. Anh N vi phạm hành chính và đã phải chịu trách nhiệm hành chính.

Giải thích:

+ Anh N vi phạm hành chính vì hành vi điều khiển xe mô tô đi ngược chiều trên đường cao tốc là hành vi vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ, gây nguy hiểm cho bản thân anh N và những người tham gia giao thông khác; hành vi của anh N là hành vi có lỗi (cố ý đi ngược chiều hoặc vô ý đi ngược chiều do không biết); anh N đủ năng lực trách nhiệm pháp lý (20 tuổi); hành vi của anh N phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Anh N đã phải chịu trách nhiệm hành chính vì phạt tiền và tước giấy phép lái xe là hai biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm hành chính, khiến anh N phải chịu thiệt hại về tiền bạc và bị hạn chế quyền sử dụng xe mô tô tham gia giao thông (vì bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 3 tháng), mức xử phạt này được quy định trong các văn bản luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông và do cá nhân có thẩm quyền (cảnh sát giao thông) áp dụng đối với anh N khi anh vi phạm hành chính.

c. Bạn T vi phạm kỉ luật và đã phải chịu trách nhiệm kỉ luật.

Giải thích:

+ Bạn T vi phạm kỉ luật vì T là một học sinh trong trường, việc trốn học đi chơi là hành vi vi phạm nội quy trường học, gây ảnh hưởng tiêu cực đến kỉ cương, nề nếp của trường; T đã lặp đi lặp lại hành vi này nhiều lần (thường xuyên) nên đây là lỗi cố ý; T phải chịu trách nhiệm kỉ luật theo quy định.

+ Bạn T đã phải chịu trách nhiệm kỉ luật vì khiển trách là một biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm kỉ luật, do chủ thể có thẩm quyền (Ban Giám hiệu nhà trường) áp dụng với T khi T vi phạm kỉ luật (trốn học), mức phạt này được quy định trong nội quy, quy chế trường học và khiến T bị ảnh hưởng xấu về danh dự, thể diện.

d. Toà soạn báo G vi phạm dân sự và đã phải chịu trách nhiệm dân sự.

Giải thích:

+ Toà soạn báo G vi phạm dân sự vì hành vi đăng tải bài viết sai sự thật về chị A là hành vi vi phạm quy định của Bộ luật Dân sự về quyền nhân thân của cá nhân, khiến chị A bị ảnh hưởng xấu đến danh dự, thể diện. Đây là hành vi có lỗi và phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

+ Toà soạn báo G đã phải chịu trách nhiệm dân sự vì buộc cải chính thông tin và xin lỗi công khai là hai biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm dân sự, do Toà án áp dụng với Toà soạn báo G khi Toà soạn báo G vi phạm dân sự, mức phạt này được quy định trong Bộ luật Dân sự cùng các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và khiến Toà soạn báo G chịu thiệt hại về uy tín.

e. Anh B vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm hành chính.

Giải thích:

+ Anh B vi phạm hành chính vì hành vi gây mất an ninh trật tự khi kinh doanh là hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hành chính nhà nước, gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội; hành vi của anh B là hành vi có lỗi; anh B đủ năng lực trách nhiệm pháp lý (trên 18 tuổi); hành vi của anh B phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Anh B đã phải chịu trách nhiệm hành chính vì việc lập biên bản xử phạt tại chỗ là một hình thức cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm hành chính và sẽ khiến anh B phải chịu thiệt hại về tiền bạc hoặc bị tịch thu tài sản, mức xử phạt này được quy định trong các văn bản luật về xử lý vi phạm hành chính và do chính quyền địa phương áp dụng đối với anh B khi anh vi phạm hành chính.

g. Chị O vi phạm kỉ luật và phải chịu trách nhiệm kỉ luật.

Giải thích:

+ Chị O vi phạm kỉ luật vì chị O là một nhân viên trong nội bộ công ty, việc không thực hiện đúng các thoả thuận trong hợp đồng lao động là hành vi vi phạm quy định của Bộ luật Lao động và quy chế công ty, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động bình thường của công ty; đây là hành vi có lỗi và chị O phải chịu trách nhiệm kỉ luật theo quy định.

+ Chị O đã phải chịu trách nhiệm kỉ luật vì buộc thôi việc là một biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm kỉ luật, do chủ thể có thẩm quyền (Giám đốc công ty) áp dụng với chị O khi chị vi phạm kỉ luật (không thực hiện đúng các thoả thuận trong hợp đồng lao động), mức phạt này được quy định trong Bộ luật Lao động, quy chế công ty và khiến chị O bị mất việc làm.

4. VẬN DỤNG (3')

a) Mục tiêu:

- HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn.
- HS vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS thực hiện bài tập Vận dụng trong SGK, hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi. Nêu quy định về sản phẩm và thời gian nộp sản phẩm.

TIẾT 4

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV mời 1 – 2 HS nhắc lại kiến thức đã được học trong các tiết trước, sau đó dẫn dắt vào tiết học mới.

2. LUYỆN TẬP (tiếp theo)

Nhiệm vụ 3: Xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng (15')

– GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS ở mỗi nhóm đọc một tình huống ở bài tập 3 trong SGK và thực hiện nhiệm vụ học tập.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào bảng nhóm, giấy A0, chuẩn bị trình bày trước lớp.

– GV tiến hành lần lượt từng trường hợp. Mời đại diện nhóm được giao trường hợp trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó đưa ra kết luận cuối cùng cho mỗi trường hợp:

a. Anh V đã 26 tuổi nên có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý. Hành vi lừa đảo, mua bán người của anh V là hành vi có lỗi cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Điều 150 – Tội mua bán người), hành vi này xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chị D. Do đó, anh V vi phạm hình sự và phải chịu trách nhiệm hình sự.

b. Anh Q đã 16 tuổi nên có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý. Hành vi chiếm đoạt tài sản nhặt được, vớt giấy tờ cá nhân của người khác của anh Q là hành vi có lỗi cố ý, vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực hành chính, gây thiệt hại về tài sản cho người khác. Do đó, anh Q vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật.

c. Ông H đã trên 18 tuổi nên có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý. Hành vi không chịu đóng góp chi phí cấp dưỡng cho con như đã thoả thuận của ông H là hành vi có lỗi cố ý, vi phạm quy định của Bộ luật Dân sự, không thực hiện nghĩa vụ của cha với con, khiến mẹ con bà N gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Do đó, ông H vi phạm dân sự và phải chịu trách nhiệm dân sự.

d. Chị P đã đi làm công nhân nên theo quy định của Bộ luật Lao động đã có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý (đáp ứng yêu cầu về độ tuổi và tình trạng sức khỏe). Hành vi không đeo khẩu trang trong quá trình làm việc của chị P là hành vi có lỗi cố ý, vi phạm quy định của công ty, gây ảnh hưởng tiêu cực đến vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Do đó, chị P vi phạm kỉ luật và phải chịu trách nhiệm kỉ luật.

Nhiệm vụ 4: Nhận xét hành vi và tư vấn (15')

– GV chia lớp thành 2 – 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS đọc tình huống ở bài tập 4 trong SGK và trả lời câu hỏi.

Gợi ý: GV có thể tổ chức cho các nhóm dựa trên nội dung tình huống trong SGK, xây dựng kịch bản, đóng vai thể hiện vở kịch trên lớp hoặc thuyết trình để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm dưới sự phân công và hình thức tổ chức của GV, viết câu trả lời ra bảng nhóm, giấy A0 (hoặc thể hiện bằng lời thoại trong kịch bản).

- GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận (hoặc diễn kịch), đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung, phản biện.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

a. Tư vấn cho C: Hành vi gây gổ đánh nhau là hành vi vi phạm quy định của pháp luật, xâm hại sức khỏe, thân thể, tính mạng của người khác và sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng. Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng được quy định trong Bộ luật Hình sự; theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý. Do đó, dù C mới 15 tuổi nhưng nếu cố ý gây sự đánh nhau thì C vẫn có thể bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, C nên tuân thủ các quy định của pháp luật để tránh gây nên những hậu quả đáng tiếc cho bản thân và người khác.

b. Tư vấn cho A: A không nên tự ý nhận lời khi được người khác nhờ cất giữ, vận chuyển, giao nhận bất cứ món đồ gì vì món đồ đó có thể là hàng cấm, vi phạm quy định của pháp luật. A cần xác minh cẩn thận các món đồ được người khác nhờ giao, không nên nhận lời giao đồ cho người lạ. Hiện nay nhiều đối tượng xấu lợi dụng trẻ em để trốn tránh cơ quan chức năng, thực hiện các hành vi phạm tội nên A cần nâng cao cảnh giác để tránh vi phạm pháp luật.

3. VẬN DỤNG (tiếp theo)

Nhiệm vụ 1: Báo cáo kết quả thực hiện bài tập thực hành ở nhà (10')

- GV mời 1 – 2 HS lên báo cáo kết quả bài tập thực hành, các HS khác nhận xét, nêu câu hỏi, các HS báo cáo trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện bài tập thực hành.

- GV tổng kết, kết thúc bài học.

QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ NGHĨA VỤ NỘP THUẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT GDCC 9.
- Giấy A4, phiếu học tập.
- Tài liệu tham khảo (tranh, ảnh, clip,...) có liên quan đến nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá,... (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. MỞ ĐẦU (5')

a) *Mục tiêu*:

- Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học.
- Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về nội dung bài học mới, tạo hứng thú và giúp HS có những hiểu biết ban đầu về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS nêu một số quyền và nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo cá nhân để chuẩn bị câu trả lời.
- GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét và kết nối vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu quyền tự do kinh doanh (40')

a) Mục tiêu:

- HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh.
- HS phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh trong một số tình huống cụ thể.
- HS nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Nêu quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân và trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh (15')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu các quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân. Công dân có trách nhiệm gì khi thực hiện quyền tự do kinh doanh?*

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập dưới hình thức cá nhân hoặc nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân: Mọi người có quyền tự do lựa chọn những ngành nghề kinh doanh trong phạm vi những ngành nghề mà pháp luật không cấm; có quyền tự do lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp với nhu cầu, điều kiện, khả năng của bản thân; tự do lựa chọn loại hình tổ chức kinh tế để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh; có quyền lựa chọn quy mô kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

+ Trách nhiệm của công dân khi thực hiện quyền tự do kinh doanh: tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về kinh doanh; tôn trọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng và người lao động trong các cơ sở kinh doanh; chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm an sinh xã hội; phê phán, tố cáo các hành vi tiêu cực vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh;...

Nhiệm vụ 2: Phân tích, đánh giá hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh (25')

– GV giao nhiệm vụ cho HS khai thác trường hợp 1, 2 trong SGK để trả lời câu hỏi: *Theo em, trong các trường hợp 1 và 2, chủ thể nào đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh? Các hành vi vi phạm đó có thể dẫn đến những hậu quả gì? Vì sao?*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập dưới hình thức nhóm, chuẩn bị câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Trong trường hợp 1, anh T và vợ đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh khi kinh doanh hàng giả (thực phẩm chức năng và thuốc tân dược giả mạo sản phẩm của các nhãn hiệu nổi tiếng thế giới).

Hành vi này có thể dẫn đến những hậu quả như: ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng, tâm lý, tài chính, công việc, cuộc sống của người tiêu dùng; khiến các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm bị làm giả thiệt hại về tài chính, uy tín; gây rối loạn thị trường; khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật;... Giải thích hậu quả:

- Ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng: Người tiêu dùng sử dụng thuốc giả không đảm bảo chất lượng, không có tác dụng chữa bệnh, khiến sức khỏe bị suy giảm, tình trạng bệnh tật trở nên nghiêm trọng hơn và có thể tử vong nếu không được can thiệp kịp thời.

- Ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, cuộc sống của người tiêu dùng: Người tiêu dùng mất tiền để mua thuốc về sử dụng nhưng lại mua phải thuốc giả, không có tác dụng hoặc gây nên những tác dụng tiêu cực với sức khỏe, dẫn đến tâm lý buồn chán, lo lắng, sợ hãi; cuộc sống bị đảo lộn, khó khăn hơn.

- Khiến các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm bị làm giả thiệt hại về tài chính, uy tín: Khi người tiêu dùng mua và sử dụng hàng giả (nhưng tưởng là hàng thật) thì sẽ không có tác dụng hoặc nhận về những tác dụng tiêu cực nên sẽ có những phản hồi, đánh giá không tốt với chất lượng sản phẩm, khiến doanh thu của doanh nghiệp sản xuất hàng thật bị sụt giảm, gây tổn thất về tài chính, uy tín.

- Gây rối loạn thị trường: Khi hàng giả và hàng thật được bày bán lẫn lộn trên thị trường thì người tiêu dùng không thể biết nên mua loại hàng nào. Mặt khác hàng giả thường có xu hướng bán giá rẻ hơn hàng thật nên sẽ gây nên tình trạng loạn giá cả trên thị trường.

- Chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật: Theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017) thì người sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

+ Trong trường hợp 2, anh B và anh C đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh khi kinh doanh mặt hàng mà pháp luật cấm (cụ thể là pháo nổ). Hành vi này có thể dẫn đến những hậu quả như: ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng của con người; gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội; người thực hiện hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật;...

Giải thích hậu quả:

- Ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng của con người: khi các loại pháo nổ được sử dụng, bảo quản, vận chuyển không đúng cách thì có thể gây cháy, nổ thương tích cho con người, thậm chí thiệt mạng.
- Gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội: pháo nổ là mặt hàng cấm kinh doanh tại Việt Nam, việc anh B và anh C sản xuất, buôn bán pháo nổ là vi phạm quy định của pháp luật, gây nên tình trạng rối loạn do nhiều người tiêu dùng bất chấp quy định mua pháo về sử dụng, gây nguy hiểm cho con người.
- Người thực hiện hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật: Theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người sản xuất buôn bán pháo nổ trái pháp luật có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 15 năm.

TIẾT 2

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV cho 1 – 2 HS kể lại một số việc bản thân và những người xung quanh đã làm để thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh trong cuộc sống hằng ngày.

Hoặc GV chiếu cho HS xem một số hình ảnh/video ngắn về hành vi vi phạm quyền tự do kinh doanh trong cuộc sống hằng ngày và mời 1 – 2 HS nhận xét, đánh giá những hành vi đó.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo)

Hoạt động 2: Tìm hiểu nghĩa vụ nộp thuế (40')

a) Mục tiêu:

- HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế.
- HS phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế trong một số tình huống cụ thể.
- HS nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Nêu quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế và trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (15')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc nội dung thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế. Công dân có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế?*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập dưới hình thức cá nhân hoặc nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế: mọi người có nghĩa vụ đăng kí thuế, khai thuế, nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Khi nộp thuế, người dân được cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế; được giữ bí mật thông tin, trừ những thông tin phải cung cấp cho cơ quan thuế; được hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế;...

+ Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế: phải thực hiện đăng kí thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế; phải tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế; tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về nghĩa vụ nộp thuế;...

Nhiệm vụ 2: Phân tích, đánh giá hành vi vi phạm pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế (25')

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập dưới hình thức nhóm, chuẩn bị câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

+ Trong trường hợp 1, ông Q đã vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế khi chỉ đạo chị T (kế toán) mua 8 hoá đơn giá trị gia tăng của các công ty khác để sử dụng hợp thức hoá số lượng đất, cát không rõ nguồn gốc nhằm trốn thuế gần 600 triệu đồng.

Hành vi này gây thất thoát ngân sách nhà nước, khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

Giải thích hậu quả:

• Gây thất thoát ngân sách nhà nước: khi ông Q và chị T thực hiện hành vi trốn thuế thì công ty của ông Q sẽ trốn nộp gần 600 triệu đồng tiền thuế dẫn đến ngân sách thiệt hại gần 600 triệu đồng.

- Khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật: theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người thực hiện hành vi trốn thuế có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 07 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (Điều 200).

+ Trong trường hợp 2, chị G đã vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế khi không thực hiện đăng kí, kê khai và nộp thuế theo quy định dù bán hàng trực tuyến có doanh thu rất lớn.

Hành vi này gây thất thoát ngân sách nhà nước, gây rối loạn thị trường và khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

Giải thích hậu quả:

- Gây thất thoát ngân sách nhà nước: với thu nhập 147 tỉ đồng đáng ra chị G phải nộp số tiền thuế hàng tỉ đồng vào ngân sách nhà nước nhưng chị lại không kê khai, không nộp thuế dẫn đến ngân sách không tiếp nhận được khoản tiền thuế của chị, gây thất thoát.

- Gây rối loạn thị trường: vì không nộp thuế nên giá các mặt hàng mà chị G bán có thể rẻ hơn các cơ sở kinh doanh khác (giá cao hơn do tính cả thuế) dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh, gây rối loạn thị trường.

- Khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật: theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người thực hiện hành vi trốn thuế có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 07 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (Điều 200).

TIẾT 3

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV mời 1 – 2 HS chia sẻ lại việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của gia đình mình.

Hoặc GV chiếu phần kiến thức ở hộp Em có biết, tóm tắt lại các kiến thức đã học ở hai tiết trước và dẫn dắt vào phần Luyện tập.

2. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.
- HS rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Bài tỏ ý kiến (12')

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1 trong SGK.
- HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.
- GV lần lượt mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và đưa ra đáp án cho từng câu:
 - a. Không đồng tình vì HS dưới 18 tuổi vẫn có quyền tự do kinh doanh những mặt hàng mà pháp luật không cấm. Tuy nhiên, HS dưới 18 tuổi không thể thành lập doanh nghiệp mà chỉ có thể kinh doanh nhỏ lẻ hoặc kinh doanh nhưng không trực tiếp đứng tên thành lập doanh nghiệp.
 - b. Đồng tình vì một số hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh như sản xuất buôn bán ma túy, buôn bán người, kinh doanh mại dâm,... có thể khiến các chuẩn mực về đạo đức, pháp luật bị phá vỡ, gây nên nhiều tệ nạn xã hội như mại dâm, nghiện hút,...
 - c. Không đồng tình vì thuế là khoản thu để phục vụ nhu cầu chung của cả xã hội, do đó mọi người đều có trách nhiệm trong việc thực hiện quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế. Những người không trực tiếp nộp thuế có trách nhiệm tìm hiểu, tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế; phê phán, tố cáo hành vi vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế.
 - d. Không đồng tình vì mọi người chỉ được tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Những ngành nghề mà mọi người thích nhưng không được pháp luật cho phép thì không được kinh doanh.
 - e. Đồng tình vì nếu không khai thuế chính xác, trung thực thì sẽ dẫn đến sai lệch số tiền thuế phải nộp và mọi người sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ 2: Xác định chủ thể vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh hay nghĩa vụ nộp thuế và hậu quả (25')

- GV chia lớp thành 6 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS ở mỗi nhóm đọc một trường hợp (Bài tập số 2 trong SGK) và thực hiện nhiệm vụ học tập.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào giấy, chuẩn bị trình bày trước lớp.
- GV tiến hành lần lượt từng trường hợp. Mời đại diện nhóm được giao trường hợp trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, phản biện.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó đưa ra kết luận cuối cùng cho mỗi trường hợp:
 - a. Ông M vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh vì không thực hiện đúng ngành nghề đăng ký kinh doanh, kinh doanh ngành nghề bị cấm (dịch vụ đòi nợ).

Hành vi của ông M gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội; gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tinh thần, tính mạng, công việc, cuộc sống của người dân (đặc biệt là những người bị đòi nợ); khiến người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật;...

b. Giám đốc doanh nghiệp A vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế vì hành vi mua hoá đơn nâng khống chi phí đầu vào để giảm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là một hình thức trốn thuế.

Hành vi này khiến ngân sách nhà nước bị thất thoát và khiến người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

c. Bà H vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh vì hành vi sử dụng hoá chất cấm để sản xuất chế biến thực phẩm là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi này gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng và khiến người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

d. Anh T vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế vì hành vi nhờ người thân đứng tên để chia nhỏ doanh thu bán hàng nhằm nộp thuế ít hơn là một hình thức trốn thuế.

Hành vi này khiến ngân sách nhà nước bị thất thoát và người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

e. Giám đốc C vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế.

Hành vi này có thể khiến doanh nghiệp bị thiệt hại về tiền bạc, uy tín vì cơ quan thuế xử phạt; công khai thông tin, bị cưỡng chế nợ thuế (nếu chậm trễ quá thời hạn quy định).

g. Chị G vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh.

Hành vi này có thể khiến chị G bị cơ quan chức năng xử phạt, tịch thu tang vật; gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng.

3. VẬN DỤNG (3')

a) Mục tiêu:

- HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn.
- HS vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ HS thực hiện bài tập vận dụng trong SGK, hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi. Nêu các quy định về sản phẩm và thời gian nộp sản phẩm.

TIẾT 4

1. KHỞI ĐỘNG (5')

GV cho 1 – 2 HS chia sẻ những việc mình đã làm/dự định sẽ làm trong cuộc sống hằng ngày để thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

2. LUYỆN TẬP (tiếp theo)

Nhiệm vụ 3: Tư vấn cho các chủ thể (25')

– GV chia lớp thành ba nhóm, giao nhiệm vụ cho HS đọc tình huống ở bài tập 3 trong SGK và trả lời câu hỏi.

Gợi ý: GV có thể tổ chức cho các nhóm dựa trên nội dung tình huống trong SGK, xây dựng kịch bản, đóng vai thể hiện vở kịch trên lớp hoặc thuyết trình để thực hiện nhiệm vụ học tập.

– HS thực hiện nhiệm học tập theo nhóm dưới sự phân công và hình thức tổ chức của GV, viết câu trả lời ra bảng nhóm, giấy A0 (hoặc thể hiện bằng lời thoại trong kịch bản).

– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận (hoặc diễn kịch), đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung, phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

a. Tư vấn cho chị B: mỗi mô hình kinh doanh sẽ có những ưu điểm riêng nên chị B cần cân nhắc lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp với điều kiện, khả năng của bản thân. Tuy nhiên, dù lựa chọn mô hình kinh doanh nào thì chị B cũng phải đăng kí thuế, khai thuế và nộp thuế đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện tốt nghĩa vụ công dân của bản thân và phòng tránh những hậu quả bất lợi trong tương lai.

b. Tư vấn cho Y: Y không nên làm theo lời chị gái vì những sản phẩm mà chị gái làm ra chưa được kiểm nghiệm chất lượng, có thể gây nên những ảnh hưởng xấu đối với người tiêu dùng. Y nên giải thích, góp ý và khuyên chị gái không nên tiếp tục bán những sản phẩm dưỡng da được sản xuất từ mỹ phẩm, hoá chất không rõ nguồn gốc xuất xứ, không rõ thành phần để phòng tránh những hậu quả tiêu cực cho bản thân và những người khác.

c. Tư vấn cho bà Q: bà Q không nên làm theo lời khuyên của người quen vì hành vi làm giả hợp đồng để giảm số tiền thuế phải nộp là một hình thức trốn thuế. Nếu bà Q làm theo thì không thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân và sẽ phải chịu trách nhiệm nếu bị phát hiện.

3. VẬN DỤNG (tiếp theo)

Nhiệm vụ 1: Báo cáo kết quả thực hiện bài tập thực hành ở nhà (15')

– GV mời đại diện 2 – 3 HS lên báo cáo kết quả bài tập thực hành. Mời HS khác trong lớp nhận xét, nêu câu hỏi, các HS báo cáo trả lời.

– GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện bài tập thực hành.

– GV tổng kết, kết thúc bài học.

GỢI Ý NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

1. KHUNG MA TRẬN DÀNH CHO ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Giáo dục đạo đức	1. Sống có lí tưởng	1 – 6 câu			$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 1 câu			
		2. Khoan dung	1 – 6 câu			$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 2 câu			
		3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	1 – 6 câu			$\frac{1}{2}$ – 2 câu	1 – 3 câu	$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 2 câu			
		4. Khách quan và công bằng	1 – 3 câu		1 – 3 câu	$\frac{1}{2}$ – 2 câu	1 – 3 câu	$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 2 câu			
		5. Bảo vệ hoà bình	1 – 5 câu		1 – 3 câu	$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 1 câu			
2	Giáo dục kĩ năng sống	6. Quản lí thời gian hiệu quả	1 – 4 câu		1 – 3 câu	$\frac{1}{2}$ – 2 câu				$\frac{1}{2}$ – 1 câu			
		7. Thích ứng với thay đổi	1 – 4 câu			$\frac{1}{2}$ – 2 câu				$\frac{1}{2}$ – 1 câu			
3	Giáo dục kinh tế	8. Tiêu dùng thông minh	1 – 4 câu		1 – 3 câu	$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 2 câu		$\frac{1}{2}$ – 2 câu			

4	Giáo dục pháp luật	9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	1 – 5 câu		1 – 5 câu	½ – 2 câu				½ – 2 câu			
		10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	1 – 5 câu		1 – 5 câu	½ – 2 câu				½ – 2 câu			
Tổng													
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		30 – 40%	60 – 70%	100%
Tỉ lệ chung			60%				40%						

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.
- Các câu hỏi ở cấp độ hiểu, và vận dụng thấp là các câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu, số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- Các câu hỏi vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- Đối với đề kiểm tra cuối kì:
 - + Kiểm tra cả những nội dung đã học từ đầu học kì; số điểm kiểm tra những nội dung này là 5% (tức là 0.5 điểm).
 - + Nội dung kiểm tra từ đầu học kì đến giữa học kì bằng hình thức trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.

2. BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ CỦA YÊU CẦU CẦN ĐẠT MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

TT	Nội dung	Chủ đề	Mức độ của yêu cầu cần đạt
1	Giáo dục đạo đức	1. Sống có lí tưởng	<i>Nhận biết:</i> – Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. – Nêu được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. <i>Thông hiểu:</i> Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. <i>Vận dụng:</i> Xác định được lí tưởng sống của bản thân. <i>Vận dụng cao:</i> Học tập, rèn luyện theo lí tưởng đã xác định của bản thân.
		2. Khoan dung	<i>Nhận biết:</i> – Nêu được khái niệm khoan dung. – Liệt kê được các biểu hiện của khoan dung. <i>Thông hiểu:</i> Giải thích được giá trị của khoan dung. <i>Vận dụng:</i> – Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung. – Xác định được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. <i>Vận dụng cao:</i> Lựa chọn được cách thể hiện khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi và thực hiện theo cách đã chọn.
		3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	<i>Nhận biết:</i> – Nêu được thế nào là hoạt động cộng đồng. – Liệt kê được một số hoạt động cộng đồng. – Nêu được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. <i>Thông hiểu:</i> Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. <i>Vận dụng:</i> – Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. – Xác định được những hoạt động chung của cộng đồng mà HS có thể tham gia. <i>Vận dụng cao:</i> Lựa chọn được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng và thực hiện những việc làm đã chọn.

		4. Khách quan và công bằng	<i>Nhận biết:</i> Nêu được những biểu hiện khách quan, công bằng. <i>Thông hiểu:</i> – Giải thích được ý nghĩa của khách quan, công bằng. – Giải thích được tác hại của thiếu khách quan, công bằng. <i>Vận dụng:</i> Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. <i>Vận dụng cao:</i> Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.
		5. Bảo vệ hoà bình	<i>Nhận biết:</i> – Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình. – Liệt kê được các biểu hiện của hoà bình. <i>Thông hiểu:</i> – Giải thích được vì sao phải bảo vệ hoà bình. – Phân tích được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. <i>Vận dụng:</i> – Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. – Xác định được những hoạt động bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi. <i>Vận dụng cao:</i> Tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.
2	Giáo dục kỹ năng sống	6. Quản lí thời gian hiệu quả	<i>Nhận biết:</i> Nêu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả. <i>Thông hiểu:</i> – Giải thích được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả. – Mô tả được cách quản lí thời gian hiệu quả. <i>Vận dụng:</i> Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.
		7. Thích ứng với thay đổi	<i>Nhận biết:</i> Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. <i>Thông hiểu:</i> – Giải thích được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. – Mô tả được các biện pháp để thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. <i>Vận dụng:</i> Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.

3	Giáo dục kinh tế	8. Tiêu dùng thông minh	<i>Nhận biết:</i> – Nêu được thế nào là tiêu dùng thông minh. – Nêu được các lợi ích của tiêu dùng thông minh. <i>Thông hiểu:</i> Mô tả được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). <i>Vận dụng:</i> – Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. – Biết cách kích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. <i>Vận dụng cao:</i> Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.
4		9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	<i>Nhận biết:</i> – Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. – Liệt kê được các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. – Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. <i>Thông hiểu:</i> Giải thích được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. <i>Vận dụng:</i> Đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. <i>Vận dụng cao:</i> – Chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh. – Ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật một cách tích cực.
	Giáo dục pháp luật	10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	<i>Nhận biết:</i> – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. <i>Thông hiểu:</i> Phân tích được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. <i>Vận dụng:</i> – Nhận xét, đánh giá được hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Nêu được các cách vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. <i>Vận dụng cao:</i> Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

3. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Giáo dục đạo đức	1. Sống có lí tưởng	10 câu		2 câu		2 câu				14 câu		3.5
		2. Khoan dung	10 câu		2 câu		1 câu				13 câu		3.25
		3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	10 câu		2 câu		1 câu				13 câu		3.25
Tổng			30 câu		6 câu		4 câu				40 câu		10
Tỉ lệ %			75%		15%		10%				100%		10 điểm
Tỉ lệ chung			90%				10%						

4. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	1. Sống có lí tưởng	Nhận biết: — Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. — Nêu được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. Thông hiểu: Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. Vận dụng: Xác định được lí tưởng sống của bản thân.	10 TN	2 TN	2 TN	

		2. Khoan dung	<i>Nhận biết:</i> — Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. — Nêu được giá trị của khoan dung. <i>Thông hiểu:</i> Giải thích được giá trị của khoan dung. <i>Vận dụng:</i> Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	10 TN	2 TN	1 TN		
		3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	<i>Nhận biết:</i> — Liệt kê được một số hoạt động cộng đồng. — Nêu được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. <i>Thông hiểu:</i> — Trình bày được thế nào là hoạt động cộng đồng. — Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. <i>Vận dụng:</i> — Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. — Xác định được những hoạt động chung của cộng đồng mà HS có thể tham gia.	10 TN	2 TN	1 TN		
Tổng				30 TN	6 TN		4 TN	40 câu TN
Tỉ lệ %				75%	15%		10%	100%

5. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1, 2, 3			2 câu						2 câu		0,5
		Bài 4. Khách quan và công bằng	4 câu			1 câu					4 câu	1 câu	3.0
		Bài 5. Bảo vệ hoà bình	4 câu							1 câu	4 câu	1 câu	3.0
2	Giáo dục kĩ năng sống	Bài 6. Quản lí thời gian hiệu quả	4 câu		2 câu			1 câu			6 câu	1 câu	3,5
Tổng			12		4	1		1		1	16	3	10
Tỉ lệ %			30%		10%	20%	20%		20%		40%	60%	10 điểm
Tỉ lệ chung			60%				40%			100%			

6. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1, 2, 3	Thông hiểu		2 TN		
		Bài 4. Khách quan và công bằng	<i>Nhận biết:</i> — Nêu được những biểu hiện khách quan, công bằng. <i>Thông hiểu:</i> — Trình bày được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.	4 TN	1 TL		

		Bài 5. Bảo vệ hoà bình	<i>Nhận biết:</i> — Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. — Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. <i>Thông hiểu:</i> Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. <i>Vận dụng:</i> — Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. — Xác định được những hoạt động bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi. <i>Vận dụng cao:</i> Tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình	4 TN			1 TL
2	Giáo dục kĩ năng sống	6. Quản lí thời gian hiệu quả	<i>Nhận biết:</i> — Nêu được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả. — Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả. <i>Thông hiểu:</i> Trình bày được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả. <i>Vận dụng:</i> Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.	4 TN	2 TN	1 TL	
Tổng				12 TN	4 TN	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30%	10%	20%	20%
Tỉ lệ chung				60%		40%	

7. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1 – bài 5					2 câu				2 câu		0,5

2	Giáo dục kỹ năng sống	7. Thích ứng với thay đổi	15 câu		3 câu		1 câu				19 câu		4,75
3	Giáo dục kinh tế	8. Tiêu dùng thông minh	15 câu		3 câu		1 câu				19 câu		4,75
Tổng			30 câu		6 câu		4 câu				40		10
Tỉ lệ %			75%		15%		10%				100%		10 điểm
Tỉ lệ chung			90%				10%				100%		

8. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1 – 5	Vận dụng			2 TN	
2	Giáo dục kỹ năng sống	7. Thích ứng với thay đổi	Nhận biết: Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. Thông hiểu: — Giải thích được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. — Mô tả được các biện pháp để thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. Vận dụng: Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.	15 TN	3 TN	1 TN	
3	Giáo dục kinh tế	8. Tiêu dùng thông minh	Nhận biết: — Nêu được thế nào là tiêu dùng thông minh. — Nêu được các lợi ích của tiêu dùng thông minh.	15 TN	3 TN	1 TN	

			<i>Thông hiểu:</i> Mô tả được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán, . . .). <i>Vận dụng:</i> — Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. — Biết cách kích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.				
Tổng				30 TN	6 TN	4 TN	
Tỉ lệ %				75%	15%	10%	0%
Tỉ lệ chung				90%		10%	

9. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Tổng điểm	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1 – 5			1 câu							1 câu		0,25
2	Giáo dục kĩ năng sống	Bài 6 – 7			1 câu							1 câu		0,25
3	Giáo dục kinh tế	Bài 8			1 câu							1 câu		0,25
4	Giáo dục pháp luật	Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	6 câu		1 câu	1 câu		1 câu				7 câu	2 câu	5.75
		Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	6 câu							1 câu	6 câu	1 câu	3.5	
Tổng			12		4	1		1		1	16	3	10	
Tỉ lệ %			30%		10%	20%	20%		20%		40%	60%	10 điểm	
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%			

10. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1 – 5	Thông hiểu		1 TN		
2	Giáo dục kĩ năng sống	Bài 6 – 7	Thông hiểu		1 TN		
3	Giáo dục kinh tế	Bài 8	Thông hiểu		1 TN		
4	Giáo dục pháp luật	Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	Nhận biết: — Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. — Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. Thông hiểu: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. Vận dụng: Tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	6 TN	1 TN, 1 TL	1 TL	

		Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	<i>Nhận biết:</i> — Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. — Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. <i>Thông hiểu:</i> Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. <i>Vận dụng:</i> — Nhận xét, đánh giá được hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. — Nêu được các cách vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. <i>Vận dụng cao:</i> Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	6 TN			1 TL
Tổng			12 TN	4 TN	1 TL	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %			30%	10%	20%	20%	20%
Tỉ lệ chung			60%			40%	

ĐỀ THI HỌC KÌ I

Môn: Giáo dục công dân 9

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm khách quan (4,0 điểm)

Lựa chọn đáp án đúng cho các câu hỏi dưới đây:

Câu 1. Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay là gì?

- A. Cố gắng kiếm thật nhiều tiền để bản thân có cuộc sống sung sướng sau này.
- B. Đấu tranh để giành độc lập, tự do cho dân tộc.
- C. Học tập, làm việc vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.
- D. Dành phần lớn thời gian học giỏi để đỗ đại học, sau này có công việc đem lại thu nhập ổn định cho bản thân.

Câu 2. Câu tục ngữ nào dưới đây nói về lòng khoan dung?

- A. Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại.
- B. Yêu nhau rào dậu cho kín.
- C. Mất lòng trước, được lòng sau.
- D. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

Câu 3. Ý nào dưới đây là biểu hiện của khách quan?

- A. Nói những điều có lợi cho mình
- B. Nói theo ý kiến của người có uy tín
- C. Nói theo ý kiến của số đông
- D. Nói những điều dựa trên chứng cứ và dữ liệu xác đáng.

Câu 4. Trái ngược với khách quan là gì?

- A. Nhìn nhận, đánh giá về đối tượng chỉ từ góc độ cá nhân, mang tính thiên vị.
- B. Nhìn nhận, đánh giá về đối tượng ở những góc độ khác nhau.
- C. Nhìn nhận, đánh giá về đối tượng ở những thời điểm khác nhau.
- D. Nhìn nhận, đánh giá về đối tượng dựa trên minh chứng cụ thể.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không** là biểu hiện của công bằng?

- A. Đảm bảo sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của con người trước pháp luật.
- B. Tạo cơ hội như nhau cho mọi người nhưng có tính đến yếu tố khác biệt.
- C. Người yếu thế hơn sẽ được tạo điều kiện tốt hơn để có cơ hội như người mạnh hơn.
- D. Người giàu phải được tạo cơ hội nhiều hơn người nghèo.

Câu 6. Thiếu công bằng mang lại hậu quả gì?

- A. Tạo nên bất công, bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột trong các mối quan hệ.
- B. Đem lại lợi ích nhiều hơn cho những người nghèo.
- C. Khiến cho người yếu thế có nhiều cơ hội hơn để phát triển.
- D. Khiến cho những người tài năng thực sự có nhiều cơ hội hơn để phát triển.

Câu 7. “Tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; con người được sống trong một môi trường xã hội an toàn, hạnh phúc” được gọi là:

- A. Hợp tác.
- B. Hoà bình.
- C. Dân chủ.
- D. Hữu nghị.

Câu 8. “Giữ gìn cuộc sống bình yên, dùng thương lượng, đàm phán giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia, không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang” được gọi là:

- A. Bảo vệ hoà bình.
- B. Bảo vệ nhân dân.
- C. Bảo vệ đất nước.
- D. Bảo vệ nền dân chủ.

Câu 9. Việc làm nào dưới đây góp phần bảo vệ hoà bình cho nhân loại?

- A. Kích động, chia rẽ giữa các dân tộc, tôn giáo.
- B. Gây chiến tranh, khủng bố ở nhiều nơi trên thế giới.
- C. Thiết lập quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc.
- D. Hạn chế quan hệ với các nước khác để tránh xảy ra xung đột.

Câu 10. Để bảo vệ hoà bình, HS **không** nên làm gì?

- A. Tham gia các cuộc thi (vẽ tranh cổ động, làm thơ, sáng tác ca khúc về hoà bình,...).
- B. Dành thật nhiều thời gian viết bài bình luận theo góc nhìn cá nhân về văn hoá của các dân tộc, quốc gia khác.
- C. Viết thư, gửi quà ủng hộ trẻ em và nhân dân các vùng có chiến tranh.
- D. Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè tham gia các hoạt động nhằm góp phần bảo vệ hoà bình.

Câu 11. Thế nào là quản lí thời gian hiệu quả?

- A. Đặt ra thật nhiều mục tiêu trong cùng một thời gian để có động lực phấn đấu.
- B. Sắp xếp, sử dụng thời gian hợp lí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.
- C. Làm được càng nhiều việc càng tốt trong một khoảng thời gian ngắn nhất.
- D. Luôn dành thời gian nhiều nhất cho những việc mình muốn làm.

Câu 12. Quản lí thời gian hiệu quả giúp chúng ta điều gì?

- A. Chủ động trong cuộc sống, công việc; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc.
- B. Chủ động trong cuộc sống, công việc; giảm năng suất, hiệu quả công việc.
- C. Chủ động trong cuộc sống, công việc; giữ nguyên năng suất, hiệu quả công việc.
- D. Bị động trong cuộc sống, công việc; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc.

Câu 13. Bước nào dưới đây **không** thuộc về cách quản lí thời gian hiệu quả?

- A. Xác định mục tiêu các công việc cần hoàn thành.
- B. Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc.
- C. Thực hiện kế hoạch đã đề ra.
- D. Thực hiện kế hoạch đã đề ra bằng mọi cách, cho dù hoàn cảnh đã thay đổi.

Câu 14. Câu ca dao “Đời người có một gang tay/Ai hay ngủ ngày, còn có nửa gang” nói về điều gì?

- A. Người không biết quản lí thời gian.
- B. Người biết ngủ ngày để bảo vệ sức khỏe.
- C. Người biết sống hưởng thụ.
- D. Người không biết quý trọng cuộc đời.

Câu 15. Để quản lí thời gian hiệu quả, chúng ta nên tránh điều gì?

- A. Làm việc có kế hoạch.
- B. Ưu tiên cho những việc quan trọng, cấp thiết.
- C. Việc nào thích thì làm, không thích thì bỏ.
- D. Đảm bảo tính kỉ luật khi thực hiện công việc.

Câu 16. Bạn nào dưới đây biết cách quản lí thời gian hiệu quả?

- A. M có thói quen làm việc ngẫu hứng, gặp việc gì làm việc đó.
- B. Khi học bài, K thường tranh thủ nói chuyện điện thoại với bạn, xem mạng xã hội hoặc chơi điện tử.
- C. N thường xây dựng kế hoạch và đặt thời hạn cho các công việc cần hoàn thành.
- D. V thường để một số việc cần làm gấp đến hôm sau mới thực hiện.

II. Tự luận (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của em về vai trò của công bằng trong xã hội.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (2,0 điểm): Hãy kể về một hoạt động mà trường em/địa phương em đã thực hiện để bảo vệ hoà bình. Em đã tham gia vào hoạt động đó như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3 (2,0 điểm): Em hãy liệt kê những kỹ năng quản lý thời gian và tự đánh giá xem mình đã thực hiện được những kỹ năng nào, cần thay đổi điều gì theo bảng gợi ý dưới đây:

Kỹ năng quản lý thời gian	Đã thực hiện được	Chưa thực hiện được	Kế hoạch thay đổi
1.			
2.			
3.			

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TẤT THẮNG – VŨ THỊ LAN ANH

Thiết kế sách: TRẦN THUỖ DUNG

Trình bày bìa: NGUYỄN HỒNG SƠN

Sửa bản in: NGUYỄN TẤT THẮNG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản
của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

Mã số:

In cuốn (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

In tại Công ty cổ phần in

Số ĐKXB:/CXBIPH/...../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: 978-604-